

GIÂY PHÚT CHẠNH LÒNG

NGUYỄN LÂN

Mệt mỏi thật! Suốt cả ngày ngồi trên xe bus hai tầng khởi hành từ Warszawa băng qua biên giới Ba Lan – Đức để đến Berlin tất cả mọi người đi tour đều rã rời. Họ được chia thành ba nhóm ở ba khách sạn gần nhau.

Vũ còn độc thân. Đẹp trai, có địa vị, có tiền, nhưng đã ngoài bốn mươi mà chưa có gia đình. Vũ được bạn bè xếp vào loại người “gan cóc tía”. Chàng không biết tán đào, không có tài bẻm mép. Chàng là người trầm lặng. Biết mình dở dầy, lại phải tính hay ngượng và nhiều tự ái nên dù gặp người ưng ý, Vũ vẫn giữ vẻ lạnh lùng. Chàng chưa bao giờ sẵn đón một người đàn bà. Ngay từ khoảng hai mươi tuổi, trong khi các bạn đã có đào hoặc đang tán gái thì Vũ đã tách ra khỏi thế giới của họ. Chàng chỉ trò chuyện với bạn trai và mấy cô em họ. Chơi với bạn nhưng không thích nghe bạn kể về đàn bà con gái. Vũ thấy gai gai thế nào ấy. Gia đình Vũ chỉ có độc một mình chàng. Cha lạnh lùng. Mẹ nghiêm túc. Lớn lên trong vòng tay thương yêu của bà ngoại. Nhưng cụ cũng chẳng chiều cháu. Nhà từng ấy người mà Vũ vẫn thấy cô đơn. Đó là hồi còn nhỏ. Bây giờ đã khôn lớn, đã quen rồi với thế giới trầm lặng tách biệt của riêng mình. Chàng không cảm thấy đàn bà là sự cần thiết. Vũ chỉ ham làm việc, ghiền công việc, làm không ngừng

nghi, bất kể thời gian. Đó là lẽ sống, là thú vui của chàng.

Lần này theo các bạn sang Paris rồi từ đó đi du lịch Đông Âu. Qua những nước của thế giới Cộng Sản khi xưa, Vũ chỉ thấy một cảm giác buồn. Những thành phố cổ nổi tiếng Đông Âu không để lại cho chàng một ấn tượng mạnh nào. Đẹp thì có đẹp nhưng không dễ chịu cho một thanh niên đã quen sống trong xã hội văn minh Mỹ quá đầy đủ.

Đi theo đoàn thể nên Vũ không thể tách rời mọi người đến những chỗ tiện nghi hơn. Những nơi đoàn người tạm trú đều là những khách sạn trung bình, hai hoặc ba sao, chỉ có một lần duy nhất được dừng chân tại một khách sạn bốn sao tại Hòa Lan mà lại là hotel Mỹ, Vũ mới thấy thoải mái. Chàng cứ phải trầm nhủ: mình đi du lịch, đi tìm cảnh hay, lạ chứ không phải đi tìm khách sạn để ngủ. Vũ thấy bực với chính mình. Chàng nhìn ra nhiều nhu cầu của mình không cần thiết. Nó trở thành thói quen phi lý! Những cái đó đã bám lấy Vũ trở thành một phần đời của chàng. Thảo nào chàng không thấy hạnh phúc trong cuộc sống! Nghĩ thế, Vũ thấy chán. Phải có cái gì thay đổi cho cuộc sống quẩn rũ hơn mới được.

Trạm cuối cùng của chuyến du hành là Đức, ngay tại Berlin. Đoàn người tham dự chuyến du lịch này quá đông nên phải chia làm ba toán. Toán của Vũ được đưa vào một hotel ngay giữa lòng thành phố. Hotel ngay mặt lộ nhưng lại rất chìm vì không có ánh đèn neon nhấp nháy, chỉ một bảng hiệu nhỏ

bé màu trắng với hàng chữ nâu đậm SENSATIONAL Như thế, đêm về khó tìm ngay ra chỗ trú ngụ. Nhưng với Vũ, chàng đã nhớ từng con hẻm dẫn đến, hình dung ra ngay khung cửa kính cũ mờ và bảng khóa số bên cạnh.

Toán của Vũ bảy người lấy 3 phòng kế nhau. Các cặp đồng hành đều có phòng giường đôi. Riêng Vũ lẻ loi, một mình chiếm một căn phòng bé nhỏ ở tận cuối hành lang, xa cách mọi người. Vũ lại thấy thích điểm đó. Chẳng có ai mất công tới gõ cửa quấy rầy.

Ánh mặt trời mới le lói, Vũ đã tỉnh giấc. Hơn bảy giờ. Chàng lấy sách ra đọc. Vì tiếng ồn ào ngoài hành lang, Vũ bỏ sách, thay quần áo xuống ăn sáng.

Các bạn đồng hành đã xong bữa điểm tâm, đã về phòng sửa soạn cho cuộc đi chơi trong ngày được định lúc chín giờ sáng. Khách trong phòng ăn thưa thớt. Chỉ còn dăm người. Vũ khoan khoái chọn một bàn ngay cửa sổ được che bớt ánh mặt trời chói chang bởi những dây hồng leo lá đan chằng chịt điểm những bông hoa đỏ thắm tươi rực rỡ. Chàng ra quầy thức ăn lấy vài lát jambon, fromage, beurre, bánh mì trên lò dòn tan thơm phức.

Tiếng ai nhỏ nhẹ ngưỡng nghịu vì giọng Anh lớ lớ:

- Loại thịt nguội đặc biệt của Bá Linh này ngon lắm. Ông thử nhé!

Vũ quay lại. Một cô gái, không, một thiếu phụ khoảng 30, tay cầm một khay thức ăn đương niềm nở giới thiệu với chàng. Người tầm thước, hơi gầy, hơi xanh. Ngay phút đầu, Vũ đã thấy ở người đàn bà này có cái gì thu hút. Có phải là khóe miệng với

vành môi hơi nhếch khi nàng gắng gượng cười. Nụ cười đẹp nhưng hơi tối vì hàm răng không sáng màu ngọc trai như chàng thường nhìn thấy ở con gái Mỹ. Dân Âu Châu không chú trọng đến răng miệng như người xứ chàng ở. Mái tóc hung vàng lòa xòa cũng không được chải chuốt cẩn thận. Cặp mắt xám tro ánh xanh thoảng reo vui rất chân tình. Nàng mặc chiếc robe nền hồng nhạt điểm những bông hoa nhỏ nâu gụ như nhiều phụ nữ xứ này. Có điều áo nàng trông đã cũ và chiếc tablier trắng quàng trước bụng đã ngả vàng. Chắc chắn nàng làm việc quá sớm để sửa soạn bữa điểm tâm cho khách từ trước sáu giờ sáng nên không còn đủ thời giờ chau chuốt cho bản thân. Lòng thương dấy lên. Vũ ngậm ngùi, nhẹ nhàng :

- Ở đây nhiều loại thịt nguội nổi tiếng, Cô chọn dùm tôi nhé.

- Thưa vâng - Miệng nói, tay nàng đã xiên một lát jambon nâu hồng để vào lòng đĩa thức ăn của Vũ.

Trở về bàn ngồi, lòng Vũ bâng khuâng. Một cảm giác nhẹ nhàng lan dần trong không gian, trong từng sợi giây thần kinh. Lát thịt nguội sao thơm ngon vừa miệng lạ!

Một bàn tay của khách đồng hành vỗ nhẹ trên vai.

- Đoàn đã ra xe, đang chờ anh.

- Chết thật!

Vũ vội đứng lên vừa lúc bóng hồng đi thu dọn trở tới. Chàng còn kịp dúi vào tay nàng năm Mỹ Kim rồi theo người bạn rời khách sạn. Quay đi mà lòng Vũ phân vân không biết phản ứng của nàng ra sao. Chàng thấy phấn khởi vì hơi ấm của những ngón

CHỢT NHỚ

Một chùm hoa gạo đỏ
Bát ngát một trời xanh
Chao ôi ! thềm nổi nhớ
Thăm thăm cõi quê mình.
Giêng hai còn rét ngọt
Tháng ba rét nàng Bân
Sen hồ biêng biếc lá
Cỏ dại đóa trinh ngần.
Sáo diều ngậy ngát gió
Hạ đỏ giọng ve ngâm
Nắng vàng thơm cuối ngõ
Khói biếc chiều phân vân.
Khóm trúc lay bờ giậu
Thấp thoáng mảnh trăng non
Sân nồng hương hoa bưởi
Lúng liếng tuổi xuân tròn.
Bao năm nướng đất khách
Bạc đầu tư cổ hương...

Hoàng Song Liêm
(Virginia)

tay qua tờ giấy năm đồng như một luồng
điện ân tình.

Suốt cả ngày Vũ rất vui. Hằng hái tham dự hằng say với các bạn trong đoàn. Chàng trở nên lém lỉnh hẳn. Vũ đọc sách nhiều nên những cảnh trước mặt là sự thật gợi nhớ tới những hình ảnh mà lâu nay chàng vẫn ủ kín trong đầu. Bây giờ có dịp bùng dậy để chàng biết rõ hơn, sâu sắc hơn những gì có trong sách vở. Những hiểu biết của Vũ, chàng san sẻ cho bạn bè. Không dừng, Vũ trở thành một tour guide có kiến thức khiến mọi người thích thú.

Vũ cảm thấy khoan khoái nhưng chàng thấy lạ cho chính mình. Một con người trầm lặng, ít nói bỗng đứng trở thành một hoạt náo viên. Ai đã lột lười chàng vậy?

Đây bức tường Bá Linh ô nhục phân chia Đông, Tây hơn nửa thế kỷ đã bị phá từng khúc. Phía Mỹ kiểm soát bức tường còn được vẽ nhiều hình thù màu sắc kỳ quái, nhưng phía thuộc Nga đỏ xưa kia hoàn toàn đen xì, đã bị đập từng khúc nên lộ ra xi măng cốt sắt đầy cả hơn thước, cao hơn cả hai người đứng trên vai nhau, trên còn chằng chịt kẽm gai. Ấy vậy mà vẫn có người sống chết vượt qua dưới làn đạn của vệ binh đỏ. Qua lần ranh đó vẫn còn nét khác biệt của hai vùng, Tự Do và Cộng Sản, ngay trong không gian. Đầu cây ngọn cỏ vẫn phảng phất cái ngại ngùng rờn rợn sự nhẫn nhục chịu đựng của Đông Đức, cái phơi phơi dễ thở của hơn của Tây Đức. Dù gì, xứ này vẫn là nước Đức, vẫn có nét trang nghiêm lạnh lạnh của xứ sở nổi tiếng lăm thiên tài về khoa học cũng như về âm nhạc. Lòng cảm phục thì có nhưng lòng thú thích thì không, Phong thờ dài. Chàng chỉ yêu những nước

nào có nét thanh tao nhẹ nhàng phóng khoáng mà thôi!

Nước Đức có đẹp nhưng sao vẫn thấy ngột ngạt?! Những kiến trúc cổ có thâm nghiêm oai vĩ nhưng nặng nề ử dột và cầu kỳ đối với chàng. Những phố xá với những hàng cây giăng mắc như dính liền nhau nối dài nhiều khu phố, những đám giây leo chằng chịt bao phủ khắp mặt tường nhà hai bên đường làm Vũ cảm nhận cái đẹp của không gian chật hẹp, trói buộc giam hãm không thể hợp với thói quen sống nơi khoảng thoáng, nhìn thấy bầu trời xanh lồng lộng, đất đai trải dài bao la như tại nơi chàng sống. Tại sao chàng quyến luyến nơi này?

Có phải cái nhà thờ ngay tại Bá Linh trong Đệ Nhị Thế Chiến mà người bản xứ vẫn giữ nguyên cái đầu cột? Thật trang trọng bên ngoài và vô cùng tỉ mỉ về kỹ thuật điêu khắc bên trong – hay – công trình kiến trúc tuyệt diệu của Sony với cả vòm trời riêng một cõi, xa trông đã thấy đèn màu của từng tube néon tí tặn trên mái dần dần đổi màu đỏ, cam, vàng, lục, tím cứ như vậy tưởng như bắt tận về đêm. Nhưng đó là của hãng Nhật Sony. Tại sao người Đức lại để kế cận bên di tích chiến tranh nhà thờ đầu cột? Cái nào cũng đẹp nhưng thiếu sự hài hòa khi kế cận bên nhau. Kỳ lạ! Tại sao chàng quyến luyến nơi này?

Hay vì đường phố nhiều hoa, hoa trên các bao lớn của tiệm ăn, của nhà dân chúng, những chậu petunia, geranium với nhiều màu sắc huy hoàng. Các xứ Đông Âu quả có nhiều hoa trác tuyệt, vô cùng lộng lẫy. Nhưng Vũ thâm hiểu chàng quyến luyến nơi này vì một bông hoa biết nói, một bông hoa không bưng rộ khi đang khoe sắc nhưng vẫn

còn đủ sức quyến rũ người đàn ông trung niên độc thân khó tính. Mà chàng vẫn chưa biết tên nàng!

Sáng hôm thứ hai tại khách sạn, Vũ dậy sớm, thay quần áo xuống dưới nhà. Người đàn bà đang sửa soạn tại quầy ăn bên trong. Mùi thơm của các loại soup nóng bốc làm Vũ thấy rạo rức. Có mỗi mình chàng dưới phòng ăn. Đồng hồ chỉ 6 giờ 15 phút. Chàng là người đầu tiên. Đến đây không phải vì đói ăn mà vì đói tình. Chàng bực bội cho chính bản thân. Lòng tự ái khiến Vũ muốn quay đi, nhưng nàng đã tới, tươi cười chào đón:

- Mời ông vào. Có món soup hành nấu theo kiểu cổ của Đức đặc biệt lắm. Sáng sớm ăn một chút cháo nóng cho ấm bụng.

- Cám ơn cô. Cô tới làm việc sớm lắm, phải không? Vũ ngưỡng mộ.

- Em phải có mặt trước 5 giờ sáng để còn sửa soạn, hâm thức ăn cho thực khách. Cũng quen rồi. Mùa xuân vào những ngày mát trời như hôm nay thật khỏe. Thật lý tưởng cho khách du lịch mà cũng thích thú cho những người làm ca sớm như chúng em. Xin mời ông ngồi. Em mang thức ăn đến ngay.

Vũ quay ra bàn ăn, còn nói với:

- Nhưng cô đâu biết tôi quen chọn món nào?

- Sáng hôm qua, nhìn ông lấy thức ăn, em thấy rồi. Đó là nghề nghiệp của những người làm việc ở đây. Phục vụ cho khách là một nhu cầu cần thiết. Nhất là sáng nay chưa có vị nào xuống đây, trừ ông.

Nàng mang một khay thức ăn với soup hành, vài thứ thịt nguội, phó mát đặc sản, một đĩa sà lách tươi trộn dầu giấm với hạt điều tới.

- Mà tôi chưa được biết tên cô? Vũ đánh bạo, cảm thấy má mình ửng đỏ.

- Tên em là Zajazd – Nàng lấy cây viết trên ngực áo tablier, hí hoáy trên miếng giấy chùi miệng – khó nhớ, khó đọc phải không ạ? Ông cứ gọi là Zaza cho dễ.

Zaza – Zajazd – hừ, tên này cũng không hẳn là tên Đức. Nhưng Vũ không dám hỏi tới vì không muốn nàng nghĩ khách tò mò một chuyện không liên quan đến việc du lịch.

Trông Zaza hôm nay tươi thắm hơn dù vẫn mặc chiếc áo cũ. Có lẽ lớp son hồng phớt trên đôi môi làm khuôn mặt trái xoan của nàng sáng hẳn, có lẽ mái tóc vàng hôm nay búi cao để lộ cần cổ thanh tú, cũng có lẽ mới sáng sớm bắt đầu làm việc nên nàng chưa mệt mỏi. Nhưng Vũ thì lại thấy nhớ người đàn bà xanh xao hôm qua.

- Cô ở có xa đây không?

- Dạ. Cũng gần đây thôi, khoảng hai cây số. Nhưng em phải đi bộ tới vì sớm quá xe lửa chưa chạy.

- Vậy khi trời tuyết vất vả quá! Vũ ngâm ngùi.

- Thưa, rồi cũng quen. Nàng cười. Khóc miệng thật đáng yêu nhưng hàm răng vẫn thế, vẫn không được trắng bóng như Vũ quen nhìn ở những người đàn bà Mỹ. Ấy thế mà sao chàng thấy vẫn vương!

Trên ngón áp út của bàn tay trái Zaza có chiếc nhẫn cưới bằng bạc đã xỉn. Nàng có chồng đã lâu hay nàng làm việc quần quật nên không để ý đánh bóng chiếc nhẫn? Vũ lại lẩn thẩn nghĩ ngợi. Vũ ngồi xuống, tay vẫn vờ khuấy muỗng trong chén súp.

- Em sẽ lấy bánh ngọt ông dùng. Đặc biệt với ông đấy vì tối bữa trưa mới được mang bánh đến cho thực khách. Ông thích loại có trái cây hay loại nào?

- Cho tôi một cái mocha.

Zaza nhanh nhẹn quay đi. Thoáng chốc nàng đã trở lại bàn Vũ với bánh mocha nhỏ trên đĩa sứ. Cặp mắt xanh xám thoáng tia vui làm Vũ bối rối. Lòng bàn tay chàng chạm nhẹ vào những ngón tay nàng khi Vũ đỡ chiếc đĩa bánh ngọt. Lại thêm một lần rùng mình gờn gợn gai người. Vũ biết má mình bừng nóng. Zaza hơi khựng lại nhưng rồi nàng thản nhiên quay đi. Nàng cảm nhận được gì? Nàng nghĩ gì về người khách lạ? Riêng Vũ, chàng thấy mình đang sống, đang say sưa sống.

Khách xuống phòng ăn mỗi lúc một đông. Zaza không còn thời giờ tới bàn Vũ nữa. Nàng bận túi bụi. Xa xa ngời ngấm nàng, lòng Vũ rộn ràng niềm vui. Zaza thật nhanh nhẹn, chính xác trong công việc. Một mình nàng quần quật với cả bốn, năm chục thực khách. Nàng vẫn nhẹ nhàng, lễ độ, tươi cười. Cứ thế, cứ thế suốt ngày. Cứ thế, cứ thế hết năm này qua năm khác Vũ thấy chạnh lòng. Giá Vũ được săn sóc Zaza, chàng sẽ không để nàng lao lực như vậy! Giá Vũ ở gần Zaza, chàng sẽ chỉ để nàng lo cho mình chàng thôi! Nhưng không được! Chiếc nhẫn bạc trên ngón tay áp út của Zaza xác định thế! Đành thôi! Nỗi buồn thương man mác lại tới xua đuổi niềm vui vừa dấy lên. Vũ cúi đầu, thở dài.

Rút túi tờ năm chục euro chặn dưới tách café, Vũ đứng dậy rời phòng ăn. Vẫn còn luyến lưu, chàng quay đầu lại. Zaza đang thu dọn bàn ăn của Vũ, mặt nàng ngơ ngác, nàng ngừng đầu lên tìm khách Vũ vội vàng khuất bóng.

Còn một ngày nữa thôi. Ngày mai, Vũ cùng hai người bạn sẽ đi Hòa Lan. Ngồi trên

xe bus với đoàn thể mà lòng dạ rối bời. Những lâu đài, dinh thự, những cơ xưởng, những kênh lạch, những di tích của chế độ độc tài không còn làm Vũ chú ý nữa. Chàng mù mờ chẳng hiểu hướng dẫn viên du lịch nói gì. Chàng thấy giận mình. Bây giờ, Vũ mới thấy chàng là con người giàu tình cảm và đam mê. Vũ không còn là con người của lý trí. Sao có thể thế được? Thật đáng xấu hổ! Vũ cố hòa mình cùng bạn hữu, cố phát biểu những nhận xét về những danh lam thắng cảnh vừa tới. Vũ thoảng thấy nét ngạc nhiên trên khuôn mặt nhiều người. Chàng cũng ngạc nhiên cho chính mình, sao lại vương vấn một cô gái Đông Âu tầm thường một cách lạ lùng vậy? Nghĩ thế mà Vũ cũng không sao thoát khỏi cặp mắt xanh xám thoảng ánh tươi vui tương phản với nụ cười buồn yên phận cứ chập chờn trong đầu.

Đêm ấy Vũ trần trọc, thao thức. Chàng chưa nói và sẽ chẳng bao giờ nói một câu tỏ tình với Zaza nhưng chắc nàng đã hiểu. Rồi chàng sẽ rời nơi đây và không hẹn ngày trở lại. Mà dù có trở lại đi nữa thì sự thế sẽ khác đi. Nào biết nàng ở đâu? Nào biết nàng thay đổi ra sao với năm tháng? Nhưng có điều Vũ cứ đinh ninh trong đầu là nàng sẽ nhớ chàng.

Tờ mờ sáng, Vũ đã có mặt tại phòng ăn. Zaza đang sửa soạn những món đồ nguội như thường lệ. Nàng quay đầu lại khi nghe tiếng kéo ghế. Người khách hậu hĩnh cho tiền hoa hồng đặc biệt hơn những khách du lịch khác đang đăm đăm nhìn nàng. Ông ta có vẻ cô đơn. Nhưng không hẳn chỉ có vậy. Nàng đã thấy đôi mắt thành thật nhưng si tình ở người khách này. Sáng sớm nào ông ta cũng xuống phòng ăn lúc chưa có người để

trò chuyện vài câu với Zaza. Nhưng chỉ thế thôi. Zaza thấy cảm mến người này. Ông ta có cái chân tình và không bao giờ xâm sỡ. Sự đụng chạm nhẹ đôi lần ở những ngón tay cũng làm ông ta trở nên lúng túng. Zaza băn khoăn. Khách lạ là người chưa biết tới phụ nữ hay là chịu ảnh hưởng nặng nề những tập tục cổ truyền của xứ sở?

Vũ lấy đồ ăn về bàn. Zaza mang một tô súp hành thơm phức vừa hâm trong lò đến:

- Món súp hành này em cũng mê lắm. Ông thích ăn súp lúc điểm tâm cũng lạ nhưng rất đúng vì dạo này buổi sớm còn mù hơi sương lạnh, có chút cháo nóng sẽ ấm bụng. Mà thưa, hôm nay đoàn sẽ đi những đâu?

- Chúng tôi đi thăm lò nung người. Thật đáng ghê sợ.

- Em là người ở đây mà cũng chưa tới nơi đó. Nghe kể lại rợn mình lắm. Còn nhiều chỗ đẹp sao đoàn không thăm viếng?

- Chương trình đã qui định như vậy. Thời thì xem cho biết sự dã man của những con người cuồng tín – ngần ngừ vài giây, Vũ tiếp giọng buồn buồn – ngày mai, tôi đi rồi!

Zaza nhìn khách:

- Mong ông giữ được vài kỷ niệm đẹp nơi đây.

- Chắc chắn! Nhất là tại khách sạn này.

Câu nói đó thốt ra với lòng thành thật nhưng Vũ lại thấy ngượng. Chàng tránh nhìn nàng. Zaza hồn nhiên:

- Khách sạn này chỉ là một khách sạn xoàng không đủ người phục vụ quan khách. Chỉ có mình em quán xuyến nơi này với hai nhân viên bán thời gian luân phiên nhau ngoài quầy tiếp khách và chỉ một cô dọn cho hai chục phòng. Đã nhiều người không bằng

lòng về việc phục vụ. Ông là người dễ và tốt tính đấy

- Cũng nhờ cô.
- Xin cảm ơn.

Những lời nói vẫn chỉ là những câu giao tế lịch sự giữa hai người. Vũ không thể đi xa hơn được nữa. Vũ cảm thấy đau lòng. Chàng cúi xuống đĩa thức ăn. Cách duy nhất để giữ mối tình đẹp là ngắm nàng quay quắt làm việc và mơ tưởng viễn vông một ngày nào đó chàng là người hùng đưa nàng ra khỏi cuộc sống vất vả nhàm chán này.

Vũ chỉ mong được ngồi mãi nơi đây. Vũ chỉ mong được bên nàng càng lâu càng tốt. Tim chàng bắt đầu đập mạnh vì mỗi phút trôi qua là thời gian sẽ cuốn chàng xa nàng xa vĩnh viễn! Giờ phút này là giờ phút tuyệt vời, là thế giới của Vũ. Tưởng rằng mình không bao giờ xúc động trước phụ nữ, nhưng mấy ngày hôm nay Vũ đã thấy sự rung cảm, sự đăm đúi của một con người si tình xuất hiện nơi chàng. Cái gì ở Zaza đã lôi cuốn chàng vậy? Về nhẵn nhụi chịu đựng, về siêng năng cần cù, về lạnh lẹn niềm nở hay chính là ánh mắt buồn sâu thẳm dưới bầu trời xanh u uẩn màu chì, hay chính là cái giản dị ẩn chút nghèo nàn của người đàn bà này? Những cái mà đời sống của chàng không có?

Dù nhai chậm thế mấy rồi cũng xong bữa. Thực khách xuống đông dần. Zaza làm việc tới tấp. Nàng không còn thời giờ quay nhìn chàng cười mỉm nữa. Bạn đồng hành ào vào phòng ăn, quây lấy chàng:

- Còn mười lăm phút nữa xe sẽ chuyển bánh. Ông xuống đây lâu rồi, phải không? Chắc chắn no bụng?

Vũ thâm nghĩ “no bụng” hay “no con mắt”.

Phút chia tay đã đến. Chàng đứng dậy, mạnh dạn vào thẳng trong bếp, nơi Zaza đương cầm cúi bận bịu.

Vũ cố gắng:

- Zaza! Xin từ biệt cô! Nắm chặt tờ giấy một trăm euro trong lòng bàn tay mà Vũ thấy buồn cho số kiếp của con người.

Zaza ngừng đầu lên. Ánh mắt giao nhau lần cuối. Những ánh mắt của hoàng hôn. Nàng đưa cả hai tay về phía chàng:

- Xin chào! Em mong ngày gặp lại. Dù có hay không cũng là một kỷ niệm đẹp em trân quý. Dù có hay không cũng xin ông giữ mối chân tình thắm thiết với xứ này.

Nàng cũng thật sự cảm động. Nàng chân thành đón nhận lần cuối giây phút chạnh lòng từ người đàn ông xứ lạ qua khoảnh khắc ngắn ngủi khi hai lòng bàn tay chạm nhau. Lần cuối giây phút này có vẻ lâu hơn, tha thiết hơn. Nhưng rồi cũng đến lúc buông rời.

Vũ quay đi còn thoáng thấy đôi mắt xám xanh đỏ hồng ngấn lệ. Cầm cúi, bước vội vã như trốn chạy đau buồn, Vũ nắm chặt lòng bàn tay để giữ lại hơi ấm của người đàn bà còn vương vấn. Vũ rảo bước ra xe.

Zaza nhìn theo người khách trọ nàng thấy như nước mắt đang trào. Nắm chặt tờ giấy một trăm euro trong tay, nàng rung mình như hơi nóng của người khách lan tỏa trong cơ thể rạo rức đang khao khát yêu thương

Ôi! Giây phút chạnh lòng! Rồi đây chỉ còn là kỷ niệm.

NGUYỄN LÂN

Cho chuyến du ngoạn Đông Âu 2009

Giữ Mãi Dùm Anh

Giữ mãi dùm anh suối tóc dài
Để mây ngơ ngẩn đậu bờ vai
Để làn sóng khẽ ru lời ngọt
Để gió về ngang rủ rỉ tai

Giữ mãi dùm anh ánh mắt nhìn
Để sao ngời sáng đẹp lung linh
Để trăng rử bóng soi niền nhớ
Để mãi trong nhau một chữ tình

Giữ mãi dùm anh một miệng cười
Để đời vẫn đẹp hết chơi vơi
Để hoa thắm mãi tươi màu áo
Để dáng xuân về khoe sắc tươi

Giữ mãi dùm anh da trắng ngần
Để tràn ánh sáng những đêm thanh
Để cho tuyết ngại thôi trùm phủ
Để nắng tìm về tình ngát xanh

Giữ mãi dùm anh đôi cánh tay
Để e ấp mộng những đêm dài
Để vượn cánh gọi tình hoài tưởng
Để gió xa ngàn thêm ngát ngây

Giữ mãi dùm anh lụa trắng trong
Để đường dài mãi níu chân hồng
Để anh thơ thẩn bao chiều gió
Để dáng em về đẹp đợi mong .

Yên Phương

Minh Nguyệt (Texas)

Chiếc Lá Cuối Trên Cành

Còn chiếc lá trên cành
Một chiếc lá mong manh
Mùa thu về trước ngõ
Đang phát phơ trước gió
Hững hờ chưa muốn rơi
Dan díu tựa lưng trời
Đã nhuộm màu quan tái
Sao giống như huyền thoại
Lá dưới cội về cành
Hai chiếc lá đổ dành
Bỏ quên đi hờn dỗi
Đang giữa mùa xá tội
Mở cõi lòng vị tha
Cuộc tình lại nở hoa
Khi em quay trở lại
Dấu vết nào ái ngại
Ngày tháng nào chia ly
Giây phút xóa tan đi
Tới gần nhau miên viễn
Đêm cầu kinh tụng niệm
Sáng chợt nhớ môi hôn
Qua dâu bể sống còn
Vẫn còn nhiều ước vọng
Cả một trời mơ mộng
Đông tàn, xuân lại sang
Ở giữa cõi nhân gian
Cuộc đời như chiếc lá
Xin sông hồ biển cả
Vẫn đọng đầy yêu thương

Phan Khâm (Maryland)

Bức Tranh Bạc Màu

ĐỒ PHÚ

Mùa đông tới sớm ở Bắc Mỹ, ngày trở nên ngắn, chưa tới 5 giờ chiều mà màn đen đã bao phủ khắp nơi. Lạnh và tối sớm làm cho tâm hồn người cũng chùng xuống, không gian buồn giăng trải mù khơi. Tuấn vừa tiễn đưa Toàn về bên kia thế giới, một người bạn cùng sở, có cùng nhiều sở thích giống nhau nên rất hợp nhau. Sự ra đi của Toàn, Tuấn tuy buồn nhưng coi nó như là một lẽ sống của con người, ai cũng phải đi tới đó, mà không ai biết trước hay có thể tiên đoán được cái ngày trọng đại đó. Trên đường từ sở về nhà, bạn đâu biết rằng đó là lần cuối bạn ra khỏi sở khi có một tai nạn xảy ra. Hạng trăm du khách đến Phuket, Thái Lan đâu nghĩ rằng đó là chuyến du lịch, tắm biển lần chót trong đời họ, khi cơn sóng thần Tsunami ập tới, vào tháng 12 năm 2004 đã mang theo đi 230.000 mạng sống của 13 quốc gia quanh vùng biển Nam Dương, trên 2.200 du khách đang ở Ban Nam Kham gần Phuket đã bị nước cuốn đi. Như bạn Toàn đang khỏe mạnh, yêu đời thì đột quỵ vì bị tai biến mạch máu não, không có dấu hiệu báo trước. Vừa thấy đau đầu, chóng mặt đưa vào nhà thương là đi luôn. Mạch máu trong đầu bị bết quá lớn nên không thể mổ để chữa kịp thời được. Anh không có một lời chối trần với vợ con, một lời từ biệt bạn bè, chỉ để lại nơi họ những thương tiếc khôn nguôi.

Cách đây vài năm, Tuấn nhận được một phong thư hình trụ lớn, loại ống thư này dùng để gửi tranh ảnh, bích chương, đóng dấu bưu điện Paris. Người gửi là Hoàng Ân, họa sĩ. Hoàng Ân, Hoàng Ân, là biệt danh của

Nguyễn Thi, một cái tên mà Tuấn tưởng đã quên, không còn nghĩ tới từ lâu rồi.

Ngày ấy, ngày mà Tuấn còn là sinh viên văn khoa, cuộc đời sinh viên khá vui nhộn, thoải mái, nếu có lo thì chỉ có lo sao cho học khá, vui chơi rồi lo ra trường và lo tiếp nhận một tương lai thật sáng lạn trước mặt. Thỉnh thoảng các bạn sinh viên họp nhau tổ chức ca nhạc, khiêu vũ gia đình để thoải mái đầu óc sau những ngày thi cử căng thẳng, thiếu ngủ. Năng động nhất là giới sinh viên y, nha, dược. Dân y, nha, dược hồi đó rất có giá, dù chỉ tổ chức rí tai, hạn chế tại một nhà bạn nào đó, thì số con gái đa phần là nữ sinh được mời tới cũng gấp đôi hay ba số nam sinh. Vì thiếu phe nam, âm qua thịnh ảnh hưởng lớn cho cuộc vui, nên Tuấn được vời tới, dù các bạn đã biết chàng nhảy dờ, vậy mà vẫn cho chàng là người cần thiết. Tuấn có tên trong danh sách trừ bị bổ sung của nhiều nhóm ăn nhảy. Trong một bữa tiệc sinh nhật của Tân mập, có khiêu vũ, nhiều bạn sinh viên, có biệt hiệu đi theo sau tên như Tiến đờn, Hậu kết, Minh mù, Hùng heo, Lộc lùn... Tân thật ra thì không mập nhưng vì có da có thịt hơn các bạn đồng môn nên các bạn gọi thế để dễ phân biệt với Tân cao. Vì có hai Hải thường xuất hiện nên một được gọi là Hải y, đang học y khoa và anh kia được gọi là Hải dược, đang học dược khoa. Khi có ngày nghỉ, mượn được nhà rộng là mấy bạn sinh viên lại hô hoán là sinh nhật anh này anh nọ để lấy cơ tổ chức nhảy đầm. Các bạn được mời đều được đi tai là không có hoa hay quà sinh nhật gì hết. Hôm ở nhà Tân mập, có 10 nữ sinh mà chỉ có 6 anh đực rựa nên Tuấn được gọi đến khẩn cấp. Hôm đó do cung cầu chênh lệch, Tuấn được hai ba cô chiêu cổ. Bích

Ngọc là người chê Tuấn nhảy dở nhưng lại thích anh và kèm anh nhảy điệu tango và valse. Sau khi nhảy với Ngọc vài bản, cô nàng vừa giảng vừa đi theo anh đi theo điệu nhạc, Tuấn bắt đầu để ý đến Ngọc, Bích Ngọc có làn da trắng đẹp, mịn màng, mắt đen lánh trong sáng long lanh như hai viên huyền ngọc, mũi thẳng với hai cánh mũi hơi to, tóc đen mềm mượt dài xuống hai bờ vai ra phía trước, làm cho khuôn mặt có nét hoang dại. Ngọc thuộc loại con gái có da có thịt, nghĩa là hơi mập nhưng rất duyên dáng và có vẻ cao sang, biểu hiện nhiều nét của con gái nhà khá giả.

Anh nhảy dở, chắc làm em không vui? Tuấn cười. Ngọc nhí nhảnh: “Đừng nói thế, mấy anh sinh viên, anh nào thích nhảy là nhảy được ngay, anh thấy không, anh nói anh không biết nhảy valse, mà chưa đầy 1 giờ anh đã quay em muốn chết luôn.”

Đã hai lần đập vào chân Ngọc và ít ra một lần suýt kéo Ngọc ngã xuống sân nhảy, biết là Ngọc khen anh khéo léo, Tuấn vẫn cảm thấy hết sức vui như chưa bao giờ vui như thế. Anh xin Ngọc địa chỉ để sau này đến thăm Ngọc, Ngọc mau mắn đáp lời. Tuấn thăm nghĩ Ngọc cũng thích anh, nên mới nhảy nhiều với anh gần như hết buổi tối. Lúc chia tay, anh cảm thấy lưu luyến dâng đầy. Một tuần lễ sau đó, Tuấn tìm cơ hội đến thăm Ngọc rồi rủ Ngọc đi chơi, đi dạo trên đường phố Lê Thánh Tôn, Lê Lợi, ăn kem Givral hoặc ăn hàng tại Thanh Thế vào ngày cuối tuần.

Lễ Giáng Sinh rồi Tết tây tới, các buổi dạ vũ tư gia tăng lên nhiều, Tuấn gặp lại Bích Ngọc cùng với nhóm bạn của Ngọc trong buổi tối tại nhà Thanh kều, dân kiến trúc. Ngọc và Dạ Hương là hai ngôi sao sáng của buổi tối đó. Thi, sinh viên Quốc Gia Mỹ Thuật luôn luôn bám sát Ngọc, được Thanh giới thiệu rất trịnh trọng là một họa sĩ đầy triển vọng. Thi trông cao ráo, đẹp trai, thông

minh, khoẻ mạnh nhất là dáng dấp nghệ sĩ làm nhiều cô choáng ngợp ngay lần đầu nhìn thấy anh. Không biết họ đã gặp nhau mấy lần nhưng rõ ràng là Thi biểu lộ tình cảm đối với Ngọc và Ngọc có vẻ đang đáp ứng lại. Tuấn cũng biết Thi qua tình bạn sinh viên. Với Tuấn lúc ấy, tình bạn mà anh dành cho Ngọc cũng như Ngọc dành cho anh chưa bước vào ngưỡng cửa của tình yêu, dù ranh giới chỉ còn là sợi tóc.

Rồi Tuấn tiếp tục đời sống sinh viên, xong Cử Nhân, anh học tiếp lên Cao Học, đi dạy học cho đến tháng Tư đen...

Sau một hồi nhìn ngắm bao thư, suy tư xem đây là tin vui hay buồn đến với mình, Tuấn mới mở ổng thư, kéo ra 1 lá thư dày và bức tranh khổ 40x60 cm, một bức tranh cũ hình của một cô gái trẻ đẹp, anh nhận ra đó là chân dung của Bích Ngọc của nhiều năm về trước. Bức tranh sơn dầu trên vải bố, các góc cạnh bị ít nhiều sây sát, một đôi cạnh vải bị sờn, chứng tỏ bức tranh được tháo ra khỏi khung và mang đi mang lại nhiều lần.

Tuấn thân mến,

Thật vui mừng khôn kể khi tìm được địa chỉ của bạn, tôi gửi ngay đến bạn nỗi niềm tâm tư của tôi mà bạn chắc đã biết phần nào và một kỷ vật đó là bức chân dung của Bích Ngọc. Vào đầu thập niên bảy mươi, mặc dầu tình hình chiến sự càng ngày càng gia tăng, nhưng trong thành phố vẫn nhộn nhịp không khí ăn chơi, có thể mọi người nghĩ đó là hậu phương để có nơi nghỉ ngơi, thư giãn đôi ngày sau những giây phút bên lửa đạn, cận kề cái chết, những cuộc hành quân liên miên của người chiến binh, không biết rằng mình còn sống hay không sau mỗi lần ra trận. Bạn chúng mình cũng chìm đắm trong học tập, vui chơi được ngày nào hay ngày ấy vì có thể học đến khi ra trường có thể không, Bạn dân y, học xong là mang lon Trung Úy ra mặt

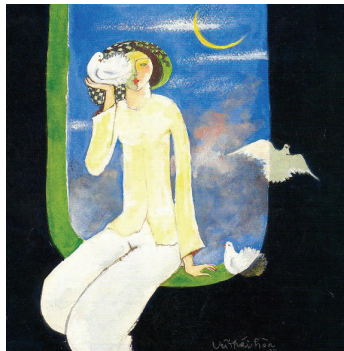
trận liền. Trong những ngày tụ tập vui chơi, nhẩy đầm thì tôi gặp Bích Ngọc, lúc đầu tôi cũng không để ý đến nàng nhiều nhưng thấy nàng là cây đĩnh của dạ vũ và hầu như cô nào trông được đều bị mấy bạn y, được ưu tiên chiếm phần. Một chút ghen tuông, một chút tự ái đẩy tôi làm quen ngay với Bích Ngọc cho thỏa chí, rồi tôi cũng không ngờ đã tiên chiếm được mục tiêu nhanh chóng. Tôi đến thăm nàng vài lần, rồi sau đó nàng đến xưởng vẽ của tôi thường xuyên. Gọi là xưởng vẽ cho sang chứ thật ra là một cái gác xếp, tôi thuê trong khu Trương Minh Giảng. Thấy Ngọc là con nhà giàu, tôi lo nàng sẽ bỏ tôi nhưng không ngờ nàng lại tỏ ra rất thích nghệ thuật và yêu nghệ sĩ nghèo như tôi.

Ngọc thích nghe tôi nói chuyện về hội họa và điều khắc, hai môn chính của ngành Mỹ Thuật. Tôi được các giáo sư khen là có năng khiếu về hội họa, biết sử dụng màu sắc với óc sáng tạo, họ khuyến khích tôi luôn luôn tiến tới, dù trên thực tế, ít họa sĩ có thể sống được một đời sống thoải mái nhờ bán tranh, trong thời gian chiến tranh này. Bích Ngọc ngò làm mẫu cho tôi vẽ một

bức chân dung, tôi đã đem hết tâm trí, tình yêu, và óc sáng tạo vào việc pha sắc màu để tạo nên một tác phẩm trường cửu cho tình yêu của nàng và tôi. Cha mẹ của Bích Ngọc khi biết chúng tôi yêu nhau, ông bà tỏ ra lạnh nhạt, sau tôi biết rằng họ rất thực tế, chỉ muốn Ngọc lấy chồng là bác sĩ, kỹ sư, hay một người có nghề chuyên môn cao để cho con gái được sung sướng, họ nói tôi làm gì ra tiền để nuôi Ngọc. Tranh đẹp đâu thay được cơm gạo. Tôi hứa với Ngọc sẽ vẽ nhiều tranh, sẽ bán tranh để lấy tiền cưới vợ, nuôi

vợ con cho ông bà nhạc tương lai biết anh là người có khả năng, có tài chẳng thua gì ai. Rồi tôi hoàn thành được gần 20 bức tranh trong vòng 3 năm.

Lần đầu tiên tôi trưng bày 20 tác phẩm tại thư viện quốc gia, vì không có bảo trợ mạnh, nên được ít báo chí nhắc nhở đến, Tôi cũng bán được vài bức tranh, một tấm được nhiều người chiêm ngưỡng và hỏi mua nhất hình như có cả anh, là tấm chân dung Bích Ngọc. Tôi đã để dưới tranh một tấm thiệp đã bán, mà nhiều người vẫn hỏi và tìm cách mua với giá cao hơn. Vài ký giả văn nghệ đã bình phẩm sự táo bạo trong cách dùng màu sắc của tôi khi vẽ những tranh ấn tượng hay siêu ấn tượng. Về chân dung Bích Ngọc thì họ hết lời



Tranh Vũ Thái Hòa

rằng tôi đã tạo ra nó không phải chỉ dùng màu sắc mới lạ mà còn đem cả trái tim mình vào đó. Bức chân dung có hồn. Bạn nhìn nó thì như nó cũng đang nhìn lại bạn với ánh mắt rạng rỡ cười với bạn. Có ký giả còn muốn tìm hiểu xem con bé ngò làm mẫu cho tôi là ai mà gây được cảm xúc vẽ cho họa sĩ đến như thế. Nghệ thuật đòi hỏi sự sáng tạo; hội họa, thi ca, văn chương phải đưa ra những sáng kiến mới đều đều

nếu không nó trở thành một thứ ao tù nước đọng. Giòng nước cần phải luân lưu. Hội họa đã thăng hoa nở rộ vào thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ hai mươi. Nhiều môn phái đã ra đời như trường phái phục hưng và trường phái đương đại, các loại tranh ấn tượng, siêu ấn tượng, siêu thực, thiên nhiên, lập thể, đa đa, tranh trên gỗ, tranh sơn dầu, tranh vẽ trên đá, tranh cát, tranh trên kính vv.... Bây giờ đi tìm cho mình một con đường mới trong hội họa quả là khó, trên bước đầu tôi đem tâm hồn và cả trái tim vào cán cọ. Nhiều khi chỉ có người

họa sĩ và người thường ngoạn được giải thích kỹ mới hiểu được ý nghĩa của tác phẩm nghệ thuật.

Dù tôi chưa thành công về tài chánh, nhưng Ngọc cũng đã chinh phục được cha mẹ cho chúng tôi gần nhau chờ ngày tới hôn nhân. Hai năm rôi ba năm, chúng tôi vẫn là cặp tình nhân yêu thương nhau trong chờ đợi, do tự ái với ông bà Hoan, bố mẹ vợ tương lai, tôi muốn chờ đợi cho đến lúc tôi có thu nhập khá đủ để nuôi vợ con, nó cũng có nghĩa là nghề cầm cọ của tôi vững vàng có chỗ đứng trong làng hội họa. Đường đi chưa tới thì biến động thăng tư đen ập đến, Bích Ngọc phải lo giúp đỡ bố mẹ và theo gia đình tìm đường chạy. Tôi chạy ra bến tàu may mắn lên được tàu Hải quân đi tản sang Subic Bay, sang Fort Chaffee rồi từ đó tôi theo mấy người bạn xin đi Pháp. Đến Pháp, tôi mới nghiệm ra rằng ngành hội họa không có đất đứng cho tôi, nó chỉ còn là nghề tay trái, là thủ tiêu khiên của tôi. Hơn nữa nó cũng không còn là mục đích của đời sống của tôi khi không còn Bích Ngọc. Bức tranh duy nhất mà tôi mang theo được là chân dung Bích Ngọc. Những ngày đầu trên đất khách, tôi viết thư đi khắp nơi để tìm gia đình Ngọc, nhưng đều bật âm tín. Mỗi khi dành dụm được chút tiền là tôi bay tới những vùng có đồng bào Việt cư ngụ để tìm Ngọc.

Gần năm nay, tôi đau ốm triền miên, ăn không còn thấy ngon, ngủ không yên giấc. Cách đây 3 tháng các bác sĩ tìm ra tôi bị ung thư ruột già và đã lan qua xương sống. Thời gian cư ngụ trên thế gian của tôi khó quá 6 tháng. Tôi khổ công lực tìm người có thể trao giữ tâm chân dung Bích Ngọc, một kỷ vật yêu quý nhất đời của tôi, đúng là trời đã phù hộ, do một sự tình cờ, tôi tìm thấy địa chỉ của anh. Bức chân dung này bây giờ là của anh, nếu có gặp lại Bích Ngọc, anh có thể trao cho cô ấy, tùy anh.

Những dòng chữ của Hoàng Ân nhắc Tuấn cái tên Bích Ngọc, anh tưởng như đã có thể quên nó từ lâu, nhưng nó thực ra vẫn nằm ẩn dấu đó trong miền ký ức sâu thẳm của anh, anh không ngờ rằng nó lại là biểu hiện cho một mối tình chung thủy, bền bỉ, đáng trân trọng nơi người nghệ sĩ như Hoàng Ân. Ân đã chiếm đoạt được trái tim người con gái anh yêu, anh đã thắng các bạn bè, đã thắng được bộ óc thủ cựu của ông bà Hoan, bố mẹ Ngọc nhưng tình yêu của anh cũng chưa đến bến bờ huyền diệu, chặng chót của tình yêu là hôn nhân. Và Hoàng Ân đã gục ngã trước định mệnh khắc khe, nghiệt ngã, đã không chiều lòng anh.

Trên hai chục năm vật lộn với cuộc sống mới trên đất Hoa Kỳ, Tuấn vừa làm vừa học, anh đã học xong được bằng BA về thương mại, đã có một việc làm tạm ổn định, anh học tiếp lên lấy MA. Anh cũng dành một phần thời giờ cho các sinh hoạt cộng đồng. Một ngày cuối Thu, Hội Văn Thi Sĩ tài tử tổ chức buổi ra mắt sách cho hai thi sĩ Bảo Trâm và Ánh Nguyệt tại Trung Tâm Văn Hóa San Jose, từ 2 đến 5 giờ chiều, Tuấn đến dự và anh vô cùng bàng hoàng thấy Bảo Trâm không phải là ai xa lạ, mà chính là Bích Ngọc. Trong bộ đồ nâu nhạt, áo hở cổ, quần tây nâu rất dịu dàng, Bích Ngọc trình bày tập thơ mới của cô thanh thoát, trên 60 bài dưới nhiều thể loại như 5 chữ, 6 chữ, thơ lục bát v.v....tả cảnh cũng như tả tình yêu đều ướm át, tinh tứ và khá chuẩn mực. Khi nhận ra Tuấn, Bích Ngọc tỏ ra rất hoan hỉ và xin hẹn sẽ gặp lại Tuấn ngày hôm sau. Hôm sau Bích Ngọc đến thăm Tuấn tại nhà anh, anh kể cho Bích Ngọc nghe những buồn vui của những ngày đi tản và anh phải vừa đi làm vừa đi học lại tại Hoa Kỳ để cố vươn lên. Bây giờ anh đang làm việc như một chuyên viên quản lý cho một hãng sản xuất đĩa nhựa cho máy vi tính và anh vẫn còn tiếp tục học thêm. Bích Ngọc

kể từ lúc chạy khỏi Sài Gòn, cô luôn luôn có ý tìm Hoàng Ân, cô chỉ còn coi Ân là một người bạn ân tình, một người tình cũ. Cô tin là mẹ cô đã nói đúng tình yêu không thể chỉ đơn thuần có con tim mà còn phải có một đời sống vật chất đầy đủ sóng đôi. Cô tin rằng với tình yêu và tuổi trẻ, hai người sẽ vượt qua được mọi khó khăn. Nhưng trời đã không chiều lòng người, đã đưa cô vào hoàn cảnh ly biệt này. Biến động tháng Tư đen 1975 đã thay đổi toàn diện cuộc đời của Bích Ngọc. Cô tâm sự gia đình cô đã lên được một chiếc tàu đánh cá loại lớn có thể chạy ven biển, chủ tàu có ý định đưa tàu qua Singapore làm ăn sau khi miền Nam bị xâm chiếm. Nhưng khi tàu vừa ra tới cửa biển Vũng Tàu thì bị hư máy, rồi sau hai ngày không chữa được, tàu phải bỏ lại, chủ tàu và nhân viên bỏ tàu, sang các tàu khác. Những bạn bè của họ và hành khách chạy theo như gia đình cô bị bỏ rơi sau phải tìm đường trở lại Sài Gòn. Gần một tuần sau mới về tới nhà thì nhà đã bị phường khóm tịch thu. Ông Hoan phải đi trình diện, mẹ con cô được đưa tới khu tập trung để đi vùng kinh tế mới. Trong lúc khốn cùng này thì mẹ con cô gặp Hải, Hải đứng ra bảo lãnh và tận tình giúp đỡ, đưa mẹ con cô về Phú Lâm sống. Hải là một kỹ sư địa chất học, học ở Nga Sô về nước, anh được điều động vào Nam làm việc. Một năm sau khi bố Bích Ngọc chết trong trại Cải Tạo, Hải vẫn tiếp tục giúp đỡ mẹ con cô, tìm việc làm cho cô như một chân giáo viên tạm, dạy học cho trường tiểu học Phú Lâm. Hải là một viên chức độc thân, di chuyển nhiều nhưng mỗi lần về Sài Gòn đều đến thăm hai mẹ con cô. Hải tỏ ra rất có tình cảm đối với Bích Ngọc nhưng anh cũng tế nhị không quá vội vã, có lẽ vì hoàn cảnh lúc đó quá khó khăn, chưa chắc anh có thể xin được phép lấy Bích Ngọc. Sau vài phút suy tư, u buồn, Bích Ngọc nói tiếp: khoảng chừng 3 năm sau, tôi không còn tin

tức gì về anh Thi nữa, tình của Hải càng ngày càng gia tăng, ân tình của Hải đối với mẹ con tôi lên đến tuyệt đỉnh mà nó như không còn cho phép tôi từ chối. Mẹ tôi quá vui khi tôi quyết định lấy Hải, Hải xin phép mẹ tôi ra Bắc để xin phép gia đình làm đám cưới. Hai tuần sau khi anh đi ra Bắc thì tin buồn đến, anh đã bị tử nạn xe hơi. Một đám mây mù ập tới gia đình tôi, một định mệnh oan nghiệt đã quàng vào đầu vào cổ tôi. Nhiều ngày đêm tôi đã suy tư mà không tìm ra lối thoát hay lời giải thích hợp lý. Tôi có cao số, có số sát phu hay không? Người mà tôi yêu thực tình thì mất tích hay không còn âm tín nào nữa, người mà tôi vừa quyết định lấy làm chồng thì đã chết vì tai nạn. Tôi lẩn lóc sầu khổ cho đến ngày mẹ con tôi được rời VN qua Mỹ định cư theo diện HO. Bích Ngọc nói tiếp tôi đã nghĩ sẽ không bao giờ lấy chồng nữa, vì tin rằng định mệnh đã an bài cho mình như vậy.

Khi Bích Ngọc nhìn thấy bức chân dung của cô trong phòng của Tuấn, cô không khỏi bàng hoàng xúc động về những ngày cũ, kỷ niệm xa xưa, một thửa học sinh, một thời áo trắng đầy mộng mơ. Cô muốn gọi đến Hoàng Ân một lời giã từ. Bức họa chân dung của Bích Ngọc tuy đã bạc màu nhưng nó là cái gạch nối của hai tâm hồn, hai trái tim cùng đang hòa vào một nhịp. Trái tim của Bích Ngọc đang sống lại một thời xa xưa, của một thời con gái chỉ biết mộng mơ, chờ đợi những ngày tươi sáng đến với mình. Và mùa Xuân an bình đang đến với họ.

Sau đó, Tuấn và Bích Ngọc gặp nhau thường xuyên và hai người đã đi đến hôn nhân, một cuộc tình đẹp, muộn màng như mùa Xuân đến muộn nhưng rộn ràng trong lòng họ.

ĐỖ PHÚ
(Virginia)

Bài xướng

Mừng tuổi học Thi sĩ Hà Thượng Nhân

Tuổi học trời cho quá chín mươi
Dung nhan, tướng mạo vẫn tươi cười
Văn thơ đối đáp còn sung sức
Võ nghiệp tung hoành đã đủ hơi
Chính trực , tài hoa vang bốn bề
Thanh liêm , khí phách tụ nơi người
Hiền nhân quân tử giàu ân đức
Vĩ phông đời nay được mấy mươi

Hiền Nhân

*

Bài họa vận

Chẳng rõ một trăm hoặc mấy mươi
Cuộc đời bất quá một cơn cười
Văn dù viết lách cho buồn bút
Võ đã phiêu bồng đến hụt hơi
Một chữ tài hoa thêm lận đận
Bao nhiêu khí phách phụ hơn người
Bây giờ kiểm điểm càng đau đớn
Thọ để làm gì ngoại chín mươi.

Hà Thượng Nhân



Bài họa vận

Mừng Tuổi Cụ Hà

Phúc thọ Trời cho ngoại chín mươi
Biếng đi, ngại đứng, vẫn vui cười
Câu thơ thù tạc còn dư sức
Khúc hát ân tình chữa kém hơi
Mãi mãi bình an, lòng chúc Cụ
Luôn luôn mạnh khỏe, dạ mong Người
Xa xôi chẳng tiện bề thăm viếng
Gởi tiếng Đàn Ngang thưở mấy mươi (*)

Ngô Minh Hằng

* "Đàn Ngang Cung" tên mục thơ ngang của tờ báo Tự Do do Thi sĩ Hà Thượng Nhân phụ trách, phát hành tại Sài Gòn trước năm 1963. Qua mục Đàn Ngang cung, nơi do duyên thơ, cô bé con NMH đã bút chiến với Nhà thơ Tú Quệt và được biết Thi sĩ họ Hà.

*

Bài họa vận

Trời cho thêm tám đủ mười mười,
Vui với thể nhân cứ việc cười.
Thi phú uyên thâm không vắng tiếng,
Văn chương trác tuyệt chẳng im hơi.
Trọn đời hòa nhã cùng thiên hạ,
Suốt kiếp khiêm cung với mọi người.
Văn võ chẳng ưa gì độ sức,
Chỉ cần sống mạnh đến mười mười

Trường Giang

(19-12-2009)

*

Bài họa vận

Qua thơ Cự khỏe rõ mười mười
Nói tới tài hoa chỉ mỉm cười
Thơ viết tràn giang kêu sẵn bút
Báo ra vô số bảo dư hơi
Khiêm nhu đến thế ,thưa bao kẻ ?
Bình dị thời thôi, hỏi mấy người ?
Dzịt Đẹt qua thơ mừng trường thượng
Trăm tròn, được tiếp họa vắn Mười.

Từ Thanh Hà

(19-12-09)

*

Bài họa vận

Dâu bể can qua đã mấy mười
Cao niên phong thái vẫn vui cười
Không nhìn thiên hạ ganh đua sức
Chẳng ngó bàn dân dựa dẫm hơi
Thơ phú tuyệt vời trao tới bạn
Văn chương tao nhã tặng cho người
Chúc Thi Nhân thọ nhiều năm nữa
Thụ hưởng an lành tuổi chín mười.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

12-2009

*

Bài họa vận

“Mừng tuổi hạc thi sĩ HT. Nhân”
của Thi huynh Hiền Nhân

Bôn ba đất khách quá ba mươi,
Đón Tết, mừng Xuân luống ngậm cười.
Nghe pháo đì đùng, thương nhớ súng,
Thấy đèn mờ ảo, tiếc làn hơi.
Cọp già nào ngại leo trèo núi,
Sư tử chẳng e trước lũ người.
Thời vận, bó tay, dương mắt ếch,
Thử xem định mệnh phỏng mười mười ?!

Hoàng Ngọc Văn

(Giao thừa Xuân Canh Dần 2010)

*

LÊ PHỔ

Những đóa hoa hái từ một giấc chiêm bao

Đình Cường

(Đình Cường: Sinh năm 1939 tại Thủ dầu Một, cựu học sinh Petrus Ký, Sài Gòn. 1963 tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế. 1964 tốt nghiệp Sư Phạm Hội Hoạ Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Hội viên Hội Hoạ Sĩ Trẻ Việt Nam 1966 -1974. Huy chương Bạc Hội Hoạ Mùa Xuân Saigon 1962, 1963. Nguyên giáo sư hội họa trường nữ trung học Đồng Khánh, nữ trung học Thành Nội 1963-1967. Nguyên giảng viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế 1967 -1978)

Những năm gần đây tranh Lê Phổ ngày càng cao giá tại Christie và Sotheby, hai nơi bán đấu giá tranh nổi tiếng tại Singapore và Hong Kong. Gần đây nhất, tháng 4/2008, bức Vierge a L'Enfant (Đức Mẹ với Hai đồng) lụa 55,1 x 46 cm bán HK\$ 2,407,500 (US\$ 309,192). Tuy giá tranh như vậy vẫn còn rất thấp so với các họa sĩ danh tiếng của Indonesia, Ấn Độ...nhưng tranh Lê Phổ được các nhà sưu tập ưu ái nhất.



Đức Mẹ và Hai đồng
lụa 55,1x46cm
sưu tập tư nhân

Waldemar George, nhà nghiên cứu phê bình nghệ thuật người Pháp đã viết nhiều sách về Picasso, Chagall, Matisse, Modigliani ... Năm 1970, trong tập sách mỏng Le-Pho với bài mở đầu: Le Pho “Le divin peintre” - Cây cọ thần diệu - đã phân tích khá kỹ các thời kỳ sáng tác của Lê Phổ, khởi đầu từ năm 1931 “một chú Ba lạc giữa kinh đô ánh sáng”, từ tranh lụa đến tranh sơn dầu những năm về sau. Được gọi là bậc thầy đi từ hội họa Ấn Tượng (impressionisme) qua Hậu Ấn Tượng (post impressionisme).

Năm 1995 nhân chuyến đi Pháp để nghiên cứu mỹ thuật hiện đại phương Tây sau gần một thế kỷ phát triển, họa sĩ Trịnh Cung đã

có dịp gặp các họa sĩ Lê Phổ, Vũ Cao Đàm, Võ Lãng, Phạm Tăng, Thái Tuấn. Đã nhận xét về Lê Phổ "...Trong dòng thác nghệ thuật thời ấy luôn bùng lên những đợt sóng dữ dội, Lê Phổ đã không bị chìm lấp, mà trái lại các tác phẩm hội họa của ông vừa thể hiện một trình độ sử dụng sơn dầu hết sức điêu luyện, đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật ấn tượng - làm bừng thức một thiên nhiên lung linh hoa lá, vừa gợi cảm một thế giới xa vắng đầy yêu thương mà người họa sĩ đã đánh mất trong những ngày tháng rời xa quê nhà..." (Về những họa sĩ Việt Nam nổi tiếng ở hải ngoại. Sánh bước cùng Chagall, Van Dongen. Đặc san 30/4, Tuổi Trẻ. 1995)

Lê Phổ sinh ngày 2/8/1907 tại Hà Đông, cha ông là Lê Hoan, kinh sứ Bắc Kỳ thời vua Hàm Nghi trong thời gian ngắn 1884-1885. Mất ngày 12 tháng 12 năm 2001 tại Paris.

Ông theo học khóa đầu tiên (1925-1930) trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, gồm Lê Văn Đệ, Mai Trung Thứ (sau này ký tên Mai Thứ), Nguyễn Phan Chánh, George Khánh, Công Văn Trung, Nguyễn Tường Tam và Lê Ang Phan. Nguyễn Tường Tam (nhà văn Nhất Linh) và Lê Ang Phan sau bỏ không học tiếp. Bảy người cùng khóa, nay chỉ họa sĩ Công Văn Trung còn sống ở Hà Nội. Nhắc đến trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương là nhắc đến công sáng lập của Victor Tardieu (1) đã theo học tại xưởng vẽ Gustave Moreau - trường Mỹ thuật Paris -1889 đến 1891, cùng lớp Matisse, Rouault...

Danh Họa Lê Phổ với giá vẽ

Năm 1920 ông được giải thưởng Đông Dương (Prix de l'Indochine) và học bổng sang Đông Dương nghiên cứu trong vòng một năm. Ông đã gặp họa sĩ Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ (1890-1973) sớm nhất ở Hà Nội. Cơ duyên này giúp ông rất nhiều trong việc vận động thành lập trường Mỹ thuật Đông Dương và kết quả, nghị định thành lập trường đã được Thống đốc Toàn quyền Martial-Henri Merlin ký ngày 27 tháng 10 năm 1924, hiệu trưởng là Victor Tardieu. Giáo sư ảnh hưởng nhiều đến phong cách sáng tác tranh sơn dầu là Joseph Inguimberty (1896-1971), ông dạy từ năm khởi đầu 1925 cho đến khi trường giải thể 1945 cùng hơn mười giáo sư giảng dạy người Pháp, có Alix Aymé rất giỏi về sơn mài...

Lê Phổ may mắn hơn nhiều bạn cùng khóa, một năm sau khi ra trường đã được làm phụ tá cho Tardieu qua Pháp dự hội chợ đầu xảo thuộc địa và năm sau đó, 1932, được học bổng qua Pháp học tiếp tại trường Mỹ thuật Paris. Một tâm



nhìn mới được mở ra cùng ông, bức sơn dầu rất “trường phái Paris” vẽ phong cảnh Fiesole năm 1932 và sau đó biến chuyển qua nhiều giai đoạn ... Ông đã đi một vòng Châu Âu, tiếp xúc với hội họa Phục Hưng ở Ý, thấy được những nét trùng hợp giữa hội họa cổ điển Tây Phương và hội họa cổ Trung Quốc.

Năm 1933 ông trở về làm giáo sư trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, năm 1934 sang Bắc Kinh tìm hiểu hội họa đời Tống đời Minh. Tranh ông là một kết liên giữa hai nền hội họa Đông - Tây mà ông đã dày công tìm hiểu. Giai đoạn sau cùng ông chịu ảnh hưởng không khí tranh Bonnard (2). Lê Phổ đã từng đến thăm Matisse tại Villa des Rêves, đã được Matisse mời xem tranh và giải thích cách vẽ. Đã là bạn của Foujita (3), họa sĩ gốc Nhật Bản nổi tiếng nhất những năm 1930, thời Paris Montparnasse với những tên tuổi lẫy lừng: Picasso, Chagall, Modigliani, Soutine, Matisse ...

Ông đã triển lãm chung với Foujita nhiều lần tại Lyon, Avignon, Nice và Bordeaux những năm 1957, 1958. “Tay ấy phi thường (c’est un tipe formidable). Đó là một họa sĩ Nhật Bản duy nhất mà tôi gặp và thích. Foujita có những nét kỳ diệu để vẽ dessin và portrait. Từ lúc tôi đến Âu Châu, chưa thấy người nào vẽ hay hơn Foujita ...” (Thụy Khuê - nói chuyện với họa sĩ Lê Phổ - Hợp Lưu số 10, tháng 4 và 5 1993)

Ông thực sự ở hẳn Paris kể từ năm 1936. Mười năm sau, gặp và thành hôn với Paulette Vaux, ký giả báo Time và Life, có hai con trai: Lê Kim, nhiếp ảnh, và Lê Tân, họa sĩ chuyên về thiết kế, trang trí.

Triển lãm cá nhân đầu tiên năm 1939, được các gallery chú ý, đặc biệt Gallery Romanet, năm 1941 đã tổ chức triển lãm tranh Lê Phổ và Mai Thử tại Alger, phòng tranh bán hết. Từ năm 1964 cộng tác thường xuyên với Gallery Findlay ở Hoa Kỳ, triển lãm tại New York, Florida và Chicago. Ông đã có dịp viếng gia đình Barnes, bộ sưu tập tranh nổi tiếng, thường tặng lại hoặc cho các viện bảo tàng mượn bày các tranh hiếm quý.

Lê Phổ thích nhất màu vàng chanh (jaune citron), là sự tươi mát của thị giác

Riêng Lê Phổ cũng có ý định tặng cho Viện Bảo tàng Mỹ thuật Hà Nội nhiều tranh “Bác có dự định cho Bảo tàng viện



Thiếu nữ và hoa
sơn dầu 33x28cm

Hà Nội tranh của bác không? Có, Tôi đã dặn kỹ nhà tôi: nếu tôi mất đi, nhà tôi sẽ gửi cho Viện Bảo tàng Hà Nội khoảng 20 -30 bức. Bác dặn bác gái gửi khoảng 20-30 tranh cho Hà Nội? Gửi như thế nào? -Tức là biếu, là tặng Bảo tàng Hà Nội với điều kiện là phải làm việc đúng đắn.” (Thụy Khuê - nói chuyện với họa sĩ Lê Phổ - Hợp Lưu, số 10 tháng 4 &5 1993). Cho đến nay chuyện ấy vẫn chưa thành. Viện Bảo tàng Mỹ thuật Hà Nội gần đây vẫn chưa giải toả nhiều thắc mắc của công chúng yêu nghệ thuật về chuyện bản chính hay bản sao của nhiều bức hiện đang trưng bày. Thậm chí tác phẩm sơn dầu nổi tiếng “Thiếu nữ bên hoa huệ” của Tô Ngọc Vân, vẫn chưa biết đích xác bản chính đang ở đâu.

Tranh Lê Phổ được trưng bày tại Musée d’Art Moderne, Paris. Musée d’Oklaoma (USA) và trong rất nhiều bộ sưu tập tư nhân trên thế giới. Rất nhiều người yêu chuộng tranh ông, vì ở đó là một bản màu đa sắc đầy lạc thú, là khúc hợp tấu giao hưởng những sắc vàng - ông thích nhất màu vàng chanh (jaune citron). Là sự tươi mát của thị giác. Đề tài chính của ông ít thay đổi: Một con thuyền trôi giữa đám sen, những thiếu nữ chập chờn trẩy hái trong khu vườn thượng giới rục rờ. Cử chỉ khoan thai, trang nhã, dịu dàng, như đang bày yến tiệc trong không khí tươi mượi của mùa Xuân. Những đoá hoa ông vẽ biến đổi một cách kỳ diệu, huy hoàng, đôi khi là những đoá hoa hái từ một giấc chiêm bao ...

Và sau cùng là quan niệm của ông về hội họa: “Tôi vẽ làm sao cho người ta thích và treo lên tường. Với tôi, vẽ là hành hương vào nội tâm. Vẽ là giú một trái chín. Con đường dài lắm...”

ĐINH CƯỜNG

Virginia, 12.12.2009

(1) Victor Tardieu, sinh ngày 30.4 .1870 tại Lyon, mất tại Hà Nội ngày 12.6.1937, có con trai duy nhất là Jean Tardieu (1903-1995) nhà thơ nổi tiếng, đã từng có: “buổi sáng Chủ Nhật cùng họa sĩ Lê Phổ ngồi chuyện trò nghệ thuật trong sân một ngôi chùa cổ ở đông quê”. Tác giả Thư Hà Nội do Hoàng Ngọc Biên và Nguyễn Thu Hồng chuyển ngữ (Jean Tardieu: những ngày Việt Nam.website Tiên Vê)

(2) Bonnard, họa sĩ Pháp (1867-1947)

(3) Foujita (1886-1968) đã vẽ tham dự Triển lãm Hội họa hiện đại Nhật Bản tại Hà Nội, 1941

Các ảnh và tranh được trích từ:

- Lepho, Waldemar George, xb Fequet et Baudier, Paris 1970

- Arts of Asia, volume 39 number 5, September-October.2009

- Ảnh gia đình do người cháu ruột Lê Phổ tại Virginia tặng. Trong khi viết bài này, nhớ đến người bạn họa sĩ tài hoa cùng lứa là Lê Chánh, đã mất ngày 14.12.2003 - Sài Gòn, gọi Lê Phổ là chú ruột. Hiện nay còn Lê Thanh cũng một họa sĩ tài hoa, cháu Lê Phổ, đang sống và vẽ ở Sài Gòn.

ĐOẠN KẾT MỘT CHUYỆN TÌNH

TẠ QUANG KHÔI

Cận nhìn qua cửa sổ. Bên ngoài tuyết mỗi lúc một dày. Về chiều, gió thổi mạnh, làm những bông tuyết như những cánh mai trắng bay toí tả. Những ngày đầu tiên vừa đặt chân lên đất Mỹ, Cận rất thích ngắm cảnh tuyết rơi. Tất cả chỉ một màu trắng xóa ! Thật đẹp ! Mùa đông đầu tiên khi mới lưu lạc sang xứ người, chàng náo nức chờ tuyết rơi. Bây giờ thì tuyết không còn hấp dẫn nữa. Tuyết rơi thì đẹp, nhưng lúc tuyết tan thật dơ bẩn !

Cận buồn bã nhìn đồng hồ. Đã gần năm giờ! Tuyết vẫn rơi, mỗi lúc một dày hơn. Nhìn nhịp độ tuyết rơi, chàng biết chàng sẽ phải ra về trễ. Chàng rất sợ lái xe trên đường đầy tuyết. Thật ra, về trễ đối với chàng không phải là một chuyện bất thường. Nhiều hôm, vì mãi làm việc, chàng rời tòa báo vào lúc sáu giờ tối. Về đến nhà chàng cũng chỉ ngồi xem tivi một mình vì các con thường đi làm về muộn. Căn nhà trống rỗng lạnh lẽo càng làm chàng nhớ đến Hằng, người vợ thân yêu đã qua đời. Bảy năm rồi, chàng vẫn không nguôi thương nhớ. Hằng ra đi vào dịp Tết năm Mão. Ba tháng sau, chàng phải lách thếch dẫn các con chạy trốn khỏi Việt Nam. Chàng và các con làm cái giỗ đầu tiên của Hằng trên đất Mỹ. Thời gian qua mau, nhưng vết thương lòng của chàng vẫn còn nguyên vẹn. Chàng yêu Hằng khi nàng mới mười lăm, tóc còn kết bím sau lưng và còn đánh truyền, đánh chất với bạn trên hè phố. Hồi đó, chàng tương đối trải đời, từng theo kháng chiến chống Pháp, hơn nàng đúng mười tuổi. Vì nàng, chàng đã bỏ hết, cắt đứt mọi liên lạc với dĩ vãng để chiều theo ý gia đình nàng. Chàng đi học lại để tạo dựng một tương lai tốt

đẹp. Bốn năm sau, hai người làm đám cưới khi nàng vừa mười chín. Sau ngày cưới ít lâu, hai vợ chồng trẻ đã phải dấn nhau vào Nam. Cuộc sống của họ thật hạnh phúc, nhưng chỉ được có hai chục năm trời ! Kỳ niệm nàng để lại cho chàng là hai đứa con, một gái một trai. Đứa con gái giống mẹ như đúc, từ đôi mắt, miệng cười đến tiếng nói, dáng dấp. Vì thế, chàng có ý thiên vị, chiều chuộng nó hơn thằng em. Con bé cũng biết thế, nên rất thương cha. Đã hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi mà vẫn chưa chịu lấy chồng, dù có nhiều bạn trai. Nó thường nói :

"Con đi lấy chồng, rồi ai lo cho ba ? Khi đã có chồng, con phải lo tròn bổn phận một người vợ, rồi bổn phận làm mẹ khi có con."

Chàng cảm động, mím cười hỏi lại :

"Bộ con định ở giá luôn sao ? Rồi khi ba già, ba chết, ai săn sóc con ?"

Nó lắc đầu :

"Con chẳng cần ai lo hết. Ở cái đất Mỹ này, sống độc thân là sướng nhất."

Chàng đùa :

"Khi Chương nó lấy vợ, ba sẽ có con dâu lo cho ba."

Nó trề môi :

"Ba ở Mỹ lâu mà còn nghĩ như vậy là ba không thực tế. Ba có thấy con dâu nào ở Mỹ, dù là người Việt Nam, lo cho bố chồng chưa ?"

"Con đừng bi quan quá. Việt Nam cũng có nhiều người giữ được lễ thói cũ hay đẹp. Với lại con cũng phải nghĩ tới tương lai của con. Ba tự lo lấy được hết."

Cảnh gia đình của ba cha con Cận thật ấm cúng. Điều mà chàng mừng nhất là hai con chàng chưa bị Mỹ hóa.

Bên ngoài, tuyết vẫn rơi. Nhìn những bông tuyết rơi rào rạt, Cận biết gió thổi mỗi

lúc một mảnh hơn. Đình ninh mình sẽ phải về muộn, chàng chán nản ngó chông bài cao ngất trước mặt. Đó là những bài do độc giả khắp nơi gửi về và được xếp theo thứ tự ngày tháng nhận. Chàng hồ hững nhón lấy một xấp trên cùng. Chàng liếc qua tên truyện và tên tác giả: "Người chiến sĩ không tên của Trần Lữ". Truyện viết tay, tuồng chữ đàn bà. Chàng hơi ngạc nhiên về tuồng chữ vì tên tác giả rõ ràng là tên đàn ông. Chàng chợt có một ý nghĩ ngộ nghĩnh cho rằng tác giả là một anh chàng lại cái nên mới có tuồng chữ đàn bà. Chàng tò mò thử đọc xem "anh chàng lại cái" viết gì. Nhưng chỉ mới đọc hết đoạn đầu, chàng ngạc nhiên và có vẻ chú ý hơn. Chàng không khỏi thắc mắc về sự trùng hợp kỳ lạ. Truyện "Người chiến sĩ không tên" là truyện chàng viết gần bốn chục năm về trước. Trần Lữ cũng chính là bút hiệu của chàng hồi đó. Chàng vội vàng xem tên thật người gửi: Nguyễn thị Nam Ngọc. Cái tên hoàn toàn xa lạ. Tìm đến địa chỉ, chàng càng ngạc nhiên hơn, vì không quen ai ở tiểu bang Connecticut. West Hartford, Connecticut! Lần đầu tiên chàng biết đến địa danh này.

Cận đọc lại một lần nữa truyện "Người chiến sĩ không tên". Vẫn những non nót, vụng về của một người mới chập chững bước chân vào nghề cầm bút. Nó là truyện ngắn đầu tay của chính chàng cách đây khoảng ba mươi lăm, ba mươi sáu năm, khi chàng tham gia kháng chiến chống Pháp. Những ngày xa xưa đó bỗng trở về với chàng...

Sau một thời gian đánh nhau với lính Tây trong thành phố Hà Nội, trung đoàn Thủ đô rút ra hậu phương. Cận được chuyển về công tác trong ban tin báo của bộ tham mưu liên khu 3. Tại đây, người ta giao cho chàng và một họa sĩ trẻ phụ trách xuất bản một tờ nội san viết tay: "Chiến sĩ vô danh". Trong số đầu tiên, chàng đã viết truyện "Người chiến

sĩ không tên" để ca tụng các tình báo viên hoạt động âm thầm trong bóng tối. Đó là truyện đầu tay của chàng nên ý tưởng còn thô sơ, lời văn còn vụng về, non nót. Thế mà "Người chiến sĩ không tên" cũng được nhiều người trong cơ quan ưa thích.

Đã ngót bốn chục năm trôi qua, biết bao nhiêu lần "bãi bẻ biến thành nương dâu", Cận cũng đã quên truyện đó. Nay bỗng thấy nó xuất hiện, chàng không ngạc nhiên sao được. Cái tên Nguyễn thị Nam Ngọc cũng hoàn toàn xa lạ với chàng. Càng nghĩ chàng càng thắc mắc. Trước khi xếp truyện "Người chiến sĩ không tên" sang một bên, Cận lấy bút đỏ ghi đậm hai chữ "Không đăng".

Nửa tháng đã trôi qua mà Cận cũng không sao giải đáp được thắc mắc đó. Lúc nào nó cũng canh cánh bên lòng. Rồi chàng lại nhận được bản chụp của truyện "Người chiến sĩ không tên". Chàng ngạc nhiên và tự hỏi: "Thế này là làm sao? Người gửi có dụng ý gì?" Vẫn Nguyễn thị Nam Ngọc! Vẫn địa chỉ ở West Hartford, tiểu bang Connecticut! Sau khi suy nghĩ kỹ, chàng quyết định viết cho người đàn bà mang tên Nguyễn thị Nam-Ngọc một bức thư riêng.

Chàng vẫn tưởng cho biết đã nhận được truyện và đã trả lời trên báo là không đăng được, xin đừng gửi thêm nữa. Một tuần sau, chàng nhận được thư trả lời:

"Anh Cận,

"Anh còn nhớ cô nhân không? Nếu anh chưa quên, hoặc anh lên gặp em hoặc cho phép em xuống thăm anh. Rất mong thư anh.

Em,

Lê thị Bích Anh"

Lần này, Cận bị xúc động mạnh, ngần ngại nhìn lá thư ngắn ngủi, không biết đáng tin hay đáng ngờ. Thật hay mơ? Chuyện xảy ra ngoài trí tưởng tượng của chàng. Lê Thị Bích Anh đúng là một cô nhân. Nàng là mối

tình đầu của chàng và đã hơn ba chục năm không gặp lại.

Khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội, những người được chuyển công tác về bộ tham mưu liên khu 3 có cả Bích Anh, một nữ cứu thương xinh xắn, duyên dáng. Nàng vốn là một nữ sinh trường Đồng Khánh, Hà Nội. Cận yêu nàng ngay lúc mới gặp và mối tình đầu của chàng đã được nàng đáp lại. Hai người quấn quít bên nhau được một thời gian ngắn, cho đến ngày Cận được gửi vào Hà Nội để hoạt động, sau một khóa huấn luyện cấp tốc về tình báo. Chàng đi và không bao giờ trở lại vì chàng đã gặp Hằng và yêu Hằng. Chàng rũ bỏ hết dĩ vãng và bỏ giờ công tác được giao phó để được sống vĩnh viễn bên cạnh Hằng. Đôi khi chàng cũng chợt nhớ tới Bích Anh, nhưng chỉ coi đó là một tình bằng bột của tuổi trẻ. Trước khi cưới Hằng, chàng cũng nghe tin Bích Anh đã lấy người chỉ huy trực tiếp của nàng.

Nay Bích Anh bỗng xuất hiện, sau ngót bốn chục năm không liên lạc. Tại sao nàng lại ở Mỹ? Cận đọc lại bức thư ngắn nhiều lần nữa mà cũng không tìm ra lý do Bích Anh muốn gặp chàng. Vì thế, chàng phân vân không biết có nên gặp lại người xưa không. Cả một tuần suy nghĩ chàng cũng không quyết định được. Chàng không thể lên thăm nàng, một phần vì công việc bẽ bộn, phần khác chàng sợ cái lạnh của miền Bắc về mùa đông. Mà để nàng xuống thăm thì cũng có nhiều bất tiện. Cho đến nay, dù đã ngót bốn chục năm trôi qua, chàng vẫn chưa dứt bỏ được cái mặc cảm bạc tình đối với nàng.

Vào một buổi sáng của tuần lễ thứ hai, kể từ ngày nhận được thư Bích Anh, một người đàn bà bỗng gọi điện thoại cho Cận. Câu đầu tiên, bà ta hỏi ngay:

"Anh có nhận ra tiếng em không?"

Dù đã mấy chục năm không gặp, Cận vẫn chưa quên giọng nói của người yêu cũ, rụt rè hỏi lại:

"Thưa...có phải là....Bích Anh không?"

Tiếng cười dòn vang trong điện thoại làm Cận bàng hoàng. Vẫn là tiếng cười trong trẻo của người nữ cứu thương ngót bốn chục năm về trước.

"Anh có biết bây giờ em đang ở đâu không?"

"Ở trên Connecticut", chàng đoán.

"Không đâu! Em chỉ cách anh có năm phút lái xe thôi."

Cận ngạc nhiên:

"Bích Anh xuống đây hỏi nào?"

Lại có tiếng cười dòn:

"Hình như anh không muốn gặp em nên không vui khi biết em đang ở gần anh."

Cận ngập ngừng:

"Đã ngót bốn chục năm không có tin tức của nhau nên tôi... không hiểu ý định của Bích Anh khi tìm gặp tôi?"

"Anh sẽ biết ý định của em khi mình gặp nhau tối nay."

Cận lúng túng:

"Nhưng...Nhưng..."

Bích Anh ngắt:

"Không nhưng gì hết. Minh sẽ gặp nhau tối nay. Em sẽ đến thăm anh và các cháu nếu anh cho em biết địa chỉ nhà anh... Hay anh muốn em đến tòa báo cũng được, em sẽ đến ngay bây giờ."

"Vây... tôi xin mời Bích Anh đến nhà..."

Rồi chàng đành cho nàng biết địa chỉ của chàng. Ngừng một chút, chàng tiếp:

"Nhưng... hôm nay có thể tôi sẽ về hơi trễ..."

Bích Anh đáp ngay:

"Em sẽ ngồi nói chuyện với các cháu chờ anh."

"Chúng nó còn về trễ hơn tôi."

Bích Anh nói dối:

"Thì em cứ đứng ở ngoài cửa."

Rồi bỗng nàng đổi giọng, nửa đùa nửa thật:

"Anh Cận, em báo trước cho anh hay là lần này anh đừng hòng chạy thoát. Đã ngót bốn chục năm đuổi bắt anh, em không thể để mất anh lần nữa."

Cận nghe lòng xao xuyến. Dù sao Bích Anh cũng là người yêu đầu tiên của chàng. Sau này, chàng yêu Hằng trong tình nghĩa vợ chồng, nhưng bóng hình Bích Anh không hoàn toàn phai nhòa trong tâm tưởng chàng, thỉnh thoảng vẫn còn phảng phất hiện ra mờ mờ nhạt nhạt.

Lại có tiếng Bích Anh:

"Chị bạn em cho biết từ nhà chị đến nhà anh rất gần, đi bộ chỉ vài phút thôi. Vậy chiều nay mình gặp nhau nhé... Đừng trốn tránh em nữa, tội nghiệp!"

Câu cuối cùng nàng nói bằng một giọng năn nỉ, ngọt ngào khiến Cận không khỏi cảm động. Từ phút đó chàng băng khuâng, suy nghĩ vẩn vơ, trở về với dĩ vãng xa xưa. Suốt ngày chàng không làm được việc gì nên hồn. Chàng cứ thắc mắc tự hỏi Bích Anh sang Mỹ làm gì? Chồng con ra sao? Cuộc sống hiện tại của nàng thế nào?... Và cả trăm câu hỏi khác nữa mà không sao giải đáp nổi.

Buổi chiều, Cận về sớm hơn thường lệ nửa giờ.

X

Cận đứng lặng yên ngắm người đàn bà trước mặt. Đúng là Bích Anh của chàng ngót bốn chục năm xưa, một Bích Anh già nua tuy vẫn còn những nét quen thuộc cũ. Nếu tình cờ gặp nàng ở ngoài đường chàng không chắc đã nhận ra. Nàng cũng im lặng ngắm chàng, rồi lên tiếng trước:

"Trông anh già hơn tuổi."

Cận gật đầu:

"Vâng, tôi cũng biết như vậy. Khi buồn và vất vả người ta chóng già."

Bích Anh bỗng vui vẻ hỏi:

"Nhưng mà sao anh không cho khách vào nhà?"

Nói xong, nàng bước luôn vào, không chờ đợi mời mọc, rồi vuốt xoa:

"Đứng ngoài lâu lạnh quá."

Cận ngượng ngùng xin lỗi về sự vô ý của mình. Khi hai người đã ngồi đối diện trong phòng khách, Bích Anh hỏi:

"Sao anh không nhuộm tóc đi cho đỡ già? Để đầu bạc phơ như thế thì có lợi gì?"

Cận nhún vai: "Chẳng lợi mà cũng chẳng hại. Tôi không cần phải giấu diếm ai hết. Tóc Bích Anh chắc có nhuộm?"

"Vâng. Nhưng tóc em chưa bạc như tóc anh đâu, chỉ mới có ít sợi trắng thôi. Em lại nghĩ rằng việc gì mình phải khoe cái già của mình cho nó... ảm đạm cuộc đời, có ảnh hưởng đến tinh thần. Nhuộm tóc đi mình sẽ thấy mình trẻ lại và yêu đời hơn..."

"Mà Bích Anh có yêu đời thật không?"

"Đời người ta có lúc nổi lúc chìm, nổi thì yêu đời, chìm thì chán đời. Đã có lúc em chán đời vô cùng, chỉ muốn chết cho xong... Nhưng bây giờ thì em đang yêu đời."

Cận giữ im lặng, chỉ nhìn nàng đăm đăm. Nàng bỗng hỏi sang chuyện khác:

"Các cháu thường về lúc mấy giờ?"

"Con Hương, con gái lớn của tôi, bao giờ cũng về khoảng bảy giờ, còn thằng Chương, em nó, thì không chừng."

Sau khi hỏi qua loa về những chuyện lật vạt vắn vơ, Bích Anh nhìn thẳng mặt chàng nói:

"Em biết anh đang có nhiều thắc mắc về em. Nào, bây giờ anh muốn hỏi gì em xin trả lời."

Cận ngập ngừng rồi im lặng. Bích Anh lại nói:

"Nhìn vẻ rụt rè, e ngại của anh là em biết anh có nhiều thắc mắc lắm. Ngót bốn chục năm không có tin tức của nhau mà khi gặp lại em, anh cũng không mừng... Dù chỉ là hai người bạn không thân lắm, xa nhau lâu, tình

cờ gặp lại nơi xứ lạ quê người, cũng mừng mừng tủi tủi, vì 'tha hương ngộ cố tri' mà. Trong khi đó, anh với em chẳng gì trước kia... trước kia..."

Nàng bỗng nghẹn ngào không sao nói tiếp. Cận cúi mặt im lặng. Nhưng chỉ vài phút sau, nàng đã lấy lại bình tĩnh :

"Tính cho đến ngày hôm nay chúng ta xa nhau... băm năm năm, tám tháng và mười bảy ngày."

Cận thốt kêu :

"Khiếp! Làm gì mà tính kỹ quá vậy ?"

Nàng đáp :

"Em đếm từng ngày, từng giờ, anh ạ."

"Thế còn chồng con Bích-Anh bây giờ ra sao?"

Im lặng một lát, nàng khẽ thở dài :

"Bây giờ em xin kể từ đầu... Hơi dài dòng một chút, nhưng có thể anh mới hiểu hết được."

Cận im lặng chờ đợi. Nhưng nàng không kể ngay, lại hỏi:

"Hình như anh quên không mời khách uống nước thì phải?"

Cận giật mình, vội tìm cách tạt nước rửa:

"Gặp lại Bích Anh, tôi quên hết ! Nào Bích Anh uống gì ? Nhà có nước ngọt, nước cam..."

Nàng gạt đi :

"Xin anh cho em một cốc nước lạnh, em không quen uống nước ngọt. Thôi, anh cứ ngồi đi, để em vào tìm nước lấy."

"Nhưng Bích Anh có biết ly để đâu mà lấy."

"Thì em cứ lục tung lên là phải thấy chứ gì."

Nàng vẫn có giọng tinh nghịch hồi trẻ. Chính cái tinh nghịch duyên dáng đó mà Cận mê nàng. Thoáng trong một giây, chàng cảm thấy vui được gặp lại nàng.

Bích Anh vào bếp không đầy nửa phút đã trở ra với ly nước lạnh. Sau khi đặt ly nước lên bàn, nàng nhìn chàng, vui vẻ:

"Nào, bây giờ mình bắt đầu phiêu lưu trở về dĩ vãng."

Rồi nàng cười lớn:

"Nói chuyện với nhà văn, nhà báo thì cũng phải văn chương chữ nghĩa chứ. Đừng cười em nhé."

Cận chỉ im lặng nhìn nàng, nhưng lòng rộn lên một niềm vui khác thường. Nàng hỏi :

"Theo anh, mình nên bắt đầu từ đâu?"

"Tùy Bích Anh, vì tôi đâu có biết Bích Anh định nói những gì."

Nàng ngập ngừng :

"Hay là... anh hỏi để em trả lời... như 'làm việc' với công an. Có khi như vậy lại chóng giải đáp được những thắc mắc của anh."

Cận phi cười :

"Bích Anh vẫn lém lỉnh, đùa nghịch như ngày xưa. Tôi không tin là Bích Anh đã ngoài năm chục, có thể có cháu nội, cháu ngoại rồi."

Bích Anh công nhận:

"Vâng, em đã có cả cháu nội lẫn cháu ngoại. Cảm ơn Anh đã... tưởng em còn trẻ. Thế mới biết nhà văn các anh khéo nói thật. Mà em xin thú thật với anh là em chỉ mới trẻ lại khi... nắm được áo anh thôi. Lần này thì em nắm thật chắc. Trước đó, em cũng héo hắt, sầu muộn lắm. Tìm anh còn khó hơn tìm chim đất. Nửa vòng trái đất, chứ có gần gì cho cam. Một phần cũng tại anh không lấy lại bút hiệu cũ ở Việt Nam, phần khác anh lại ít giao du, nên chẳng biết đâu mà hỏi nữa. Nhưng rồi cũng tìm ra. Hết chạy trốn rồi nhé."

"Bích Anh tìm tôi để làm gì ?"

Nàng ngó chàng dăm dăm, ngạc nhiên:

"Anh hỏi thật hay đùa thế? Để làm gì? Ô hay, em tìm anh suốt cuộc đời em để làm gì nhỉ? Anh là nhà văn mà cũng có thể hỏi một câu... ngờ ngẩn như thế sao? Tuy nhiên, em cũng xin trả lời một cách nghiêm chỉnh rằng em tìm anh để... đòi nợ !" Cận có vẻ hơi ngượng, ngồi chết lặng. Bích Anh tiếp :

"Nợ tình chưa trả mà anh."

HỎI RIÊNG MÌNH

bên ngọn nến mờ ngời viết vu vơ trong tình
đêm phiến diện – nhìn ngòi bút nghiêng
nghiêng theo phía buồn vào im tâm niệm

hỏi riêng mình cụm tình ngôn ngữ để trả lời
cho phiến xứ man khai mảnh hồn phiêu du
ngại-

lý do gần tận mạn theo bờ vợ chờ ngắt trộm
một tình cờ không hoa trái

thành phố nào đang chấp chững vào thu –
không sương mù chưa khoe mầu cỏ lá mà
sóng trời xao gợn nhiều vay trả đêm tơ cho
giọt nắng vờ nhuộm mình trong cơ đồ trí nhớ

đến thăm người tìm bạn tìm vui tìm gặp
chân trời viễn xứ có cho nhau bốn mùa tình
tự không gian – ngày mai xa xôi biết có bao
giờ được lại khung cửa sổ nguyên nhân cho
hồn thơ bật đời vỗ cánh phân vân tìm đồng
hương mất tổ

chiều nào trên mặt hồ sóng nước diu nhau
theo âm ba ngày cũ gục đầu ăn năn bao
nhiều lần vỡ tan biên giới vẫn gọi đời một
thoảng lưu ly – có em mờ ảo biên thù nhớ
và ta lãng gót vào chu vi mong chờ

XUÂN BÍCH

(Oklahoma)

Chợt nàng trầm hẳn giọng :

"Anh cũng thừa biết rằng lúc nào em
cũng chỉ yêu có anh."

Cận gật đi chỗ khác như muốn trốn
tránh một sự thật.

"Vâng, nàng tiếp, em chỉ yêu có anh
trong suốt cuộc đời em... dù em vẫn biết anh
không còn mây may thương yêu em."

Cận lúng túng, ngập ngừng :

"Tôi... tôi không ngờ..."

"Anh không ngờ cái gì? Phải chăng anh
không ngờ em vẫn yêu anh, yêu như hồi
chúng mình còn ở trong rừng Lương Sơn tỉnh
Hòa Bình ? Hay anh không ngờ em có thể
sang đến tận Mỹ để tìm anh ?"

Cận lại bị Bích Anh dồn vào cái thế
không biết nói năng làm sao. Ngay khi còn ở
Việt Nam, chàng cũng chưa bao giờ nghĩ tới
chuyện nàng tìm gặp chàng, huống chi nay
đã ở Mỹ.

Bích Anh buồn buồn tiếp :

"Nhắc đến rừng Lương Sơn em lại... lại
giận anh. Em không ngờ anh lại chóng quên lời
thề như vậy. Em biết chắc hồi đó anh cũng yêu
em... không thua gì em yêu anh..."

Cận thâm công nhận chàng đã yêu Bích
Anh tha thiết và đã từng thề thốt với nàng.

"Ngày đó, anh biết không ? Khi nghe tin
anh say mê một cô gái Hà Nội, bỏ cả hoạt
động, cắt đứt liên lạc với tổ chức, em lòng
lộn muốn vào thành tìm anh ngay. Nhưng
anh Kim đã tìm cách ngăn cản, cho người
canh chừng em từng bước, vì anh ấy yêu em,
biết rằng nếu để em đi, chắc chắn là mất luôn
cả em."

Cận chỉ gật Bích Anh và vẫn im lặng.
Bích Anh có giọng tha thiết :

"Sau khi mất liên lạc với anh, em bị bệnh
nặng, vừa suy nhược tinh thần vừa sốt rét ngã
nước, tưởng đã chết mất xác ở trong rừng. Nhờ
anh Kim hết lòng săn sóc và lo lắng cho em nên

em mới qua khỏi. Khi anh ấy ngỏ lời xin cưới em thì em bằng lòng ngay. Hỏi đó, em nghĩ rằng mất anh rồi thì... lấy ai cũng thế thôi... Người ta lấy em là lấy một cái xác, còn hồn em lúc nào cũng ở bên anh, dù bị anh hất hủi."

Ngừng một chút, Bích Anh lại nói:

"Kim hơn em những mười lăm tuổi, lại là người Tày ở vùng Cao Bằng, làm sao em có thể yêu được. Nhưng lúc đó, em không còn một chút hy vọng nào được gặp lại anh, nên cũng liều..."

Mỗi lời nói của nàng như một nhát dao chém vào tim Cận. Nỗi đau khổ của nàng càng lớn bao nhiêu thì niềm hối hận của chàng càng ray rứt bấy nhiêu.

"Anh Kim cũng biết như thế, nhưng anh ấy nghĩ rằng sự chiều chuộng, sự săn sóc tận tình của anh ấy sẽ có thể làm em quên được anh. Rồi khi nghe tin anh cưới vợ, bỏ đi Nam, em hoàn toàn tuyệt vọng. Của đáng tội, những năm sống với anh ấy cũng là những năm sung sướng."

Cận nói :

"Thế cũng là có hạnh phúc rồi."

Bích Anh gật đầu :

"Vâng, nếu chỉ cần chồng yêu, chồng chiều là hạnh phúc thì em có hạnh phúc với anh Kim."

Ngừng một chút, nàng lại nói :

"Em không phải là gỗ đá, cũng không phải người vô tình. Người ta đối với mình như bát nước dầy, mình cũng phải đáp lại phần nào. Em đã tròn nghĩa vợ chồng với anh ấy."

"Bích Anh có mấy con ?"

"Ba, nhưng anh ấy chỉ nhận có hai thôi."

Cận trở mắt nhìn nàng :

"Thế là thế nào, tôi không hiểu."

"Vi... vì... đưa thứ ba anh ấy không nhận."

Cận lắc đầu :

"Quả thật tôi vẫn không hiểu. Tại sao lại không nhận ? Hay..."

Bích Anh bồng phì cười :

"Anh lại nghi xấu cho em rồi. Em không phải là hạng người như vậy đâu. Với lại, người có thể đưa em vào con đường... tội lỗi thì đã bỏ em mà đi mất tăm mất tích lâu rồi."

Ngừng một chút, Bích Anh giải thích :

"Sở dĩ anh Kim không nhận đứa thứ ba là vì anh ấy nghi là con... của anh."

Cận đẩy nẩy :

"Con tôi ? Sao lại kỳ cục như vậy được?"

"Đứa thứ ba em đẻ vào năm 1976, sau ngày giải phóng miền Nam. Năm nay cháu mới 7 tuổi và đang ở với em... Ngay giữa tháng 5 năm 75, dựa vào thể lực của chồng, em xin giấy vào Nam thăm họ hàng. Thật ra, em chẳng có họ hàng, thân thích nào ở trong Nam. Em chỉ vào để tìm anh thôi. Trước khi đi, em đã hỏi được địa chỉ của anh. Vào đến nơi em mới biết anh đã kịp chạy thoát ra nước ngoài và chị cũng mới qua đời... Tình cờ em gặp một người bạn học cũ từ thời thơ ấu, trước ở cùng phố với em, nên lắng đàng trong Saigon hơn một tháng mới về Bắc. Thấy em ở trong Nam lâu, anh Kim nghi em đã gặp anh..."

"Sao Bích Anh không nói cho anh ấy biết là tôi đã chạy ra nước ngoài ?"

"Sao lại không! Nhưng anh ấy không tin. Rồi khi em sinh con bé Nam Ngọc, anh ấy không nhận nó là con. Có điều rất lạ là... cháu có nét giống... anh. Chính em cũng không hiểu tại sao."

Cận lắc đầu :

"Tôi không tin là Kim nghi Bích Anh có con với tôi. Việc kiểm chứng có khó khăn gì đâu mà phải nghi bậy nghi bạ như vậy. Có thể còn có chuyện gì bí ẩn bên trong."

Bích Anh công nhận :

"Vâng, bí ẩn đó là chính anh ấy ngoại tình. Từ lâu anh ấy lén lút đi lại với một cô cán bộ trẻ dưới quyền. Bây giờ kiểm có muốn bỏ em để chính thức lấy cô ta. Mới đầu em còn muốn gỡ lại danh dự bằng cách

không chịu ly dị. Sau em nghĩ rằng danh dự cũng chẳng làm cái quái gì, tốt nhất là làm sao tìm được anh. Em hỏi dò biết anh đang ở Mỹ, em tính chuyện vượt biên. Thế là em bán đồ bán đạc, vay cào vay cấu được ít tiền, em ôm con vào Nam... Rồi bây giờ em đã mãn nguyện vì được gặp lại anh sau mấy chục năm trời xa cách. Và còn điều này đáng mừng nữa... Cả anh lẫn em đều tự do... Em muốn cho anh biết một chuyện, nhưng anh không được giận em, em mới dám nói."

Cận dè dặt :

"Điều đó có hại gì cho tôi không?"

"Không, chắc chắn là không hại gì đến ai, kể cả anh."

"Vậy thì Bích Anh cứ nói."

"Chính... chính cái tin chị đã qua đời thúc đẩy em tìm lại anh. Nếu chị còn sống, em cũng chẳng dại gì mà ôm con nhỏ lao đầu ra bể đâu. Anh không vượt biên nên anh không biết cái nguy hiểm của bể cả, mười phần thì chắc chết đến chín."

Cận chợt khẽ thờ dài. Chàng không ngờ Bích Anh lại liêu lĩnh như vậy.

"Nhưng anh biết không? Lúc đó, nếu hai mẹ con em có phải làm môi cho cá, em cũng bằng lòng vì em đã chết cho tình yêu... May là em đã tới bờ được bình an. Bây giờ nghĩ lại, em vẫn thấy sợ."

Nói xong, nàng khẽ rùng mình. Cận gật đầu:

"Kể Bích Anh cũng liêu thật. Bích Anh chết cho tình yêu đã đành, còn cháu bé chết vì sự liêu lĩnh của mẹ. Bích Anh có nghĩ tới điều đó không?"

"Em cũng có nghĩ, cháu còn nhỏ, bắt buộc em phải mang cháu theo. Nhưng Trời Phật đã thương em, không những hai mẹ con sống sót mà em còn tìm ra anh. Thế là em mãn nguyện rồi. Đó không phải là lý do em trẻ lại và yêu đời sao?"

Câu chuyện liêu lĩnh của nàng đã khiến Cận rất cảm động. Để che giấu sự cảm động đó, chàng hỏi làng :

"Còn hai cháu lớn thì sao?"

"Chúng nó có vợ, có chồng và con cái cả rồi."

"Thế là Bích Anh đã lên chức bà nội, bà ngoại."

Nàng cười :

"Thì cũng phải thôi. Tuổi anh và tuổi em nếu có cháu cũng chẳng sớm sửa gì."

Cận cố lấy giọng vui đùa :

"Thì ra mình già cả rồi...Thế mà mình vẫn còn lãng mạn quá. Nghe chuyện Bích Anh, tôi cứ ngỡ tôi đang đọc một truyện tình rất lãng mạn."

Bích Anh cười :

"Truyện giữa anh và em còn lãng mạn và hấp dẫn hơn bất cứ một tiểu thuyết tình nào khác."

Cận nói tiếp :

"Và đang đi đến hồi kết cục."

"Chắc là vui lắm nhỉ. Có phải người Mỹ gọi thế là 'happy ending' không, anh?"

Cận gật đầu, cười :

"Chúng ta thì gọi là chuyện có... hậu."

Bích Anh vui vẻ nói ngay :

"Thế là anh hứa rồi nhé. Dù đã trễ, quá trễ, mà vẫn có hậu thì cũng là chuyện hay, anh nhỉ."

Cận biết Bích Anh khéo léo buộc chàng vào, nhưng cũng không biết nên nói gì. Thật ra, trong thâm tâm, chàng cũng không khỏi cảm động trước mối chân tình của nàng. Chàng nhớ lại ngày hai người mới gặp nhau.

Hồi đó, vào đầu năm 1947, Pháp đã mở rộng vùng tạm chiếm và bộ tham mưu liên khu 3 phải rút vào một khu rừng già thuộc châu Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chàng yêu Bích Anh ngay khi mới gặp. Nàng có vẻ đẹp Tây phương. Đôi mắt to và nâu, lông mi dài và cong. Mũi cao dọc dừa. Miệng cười duyên

dáng, quyến rũ vì một chiếc răng khểnh. Vào những buổi chiều tà, hai người thường sánh vai đi dạo trên con đường mòn ven suối. Có đêm trời sáng trăng vàng vạc họ ngồi bên nhau trên một khối thạch bàn bên bờ suối. Chàng đàn, nàng hát nhỏ nhỏ bài "Suối mơ" của Văn Cao, chỉ đủ để hai người nghe. Mỗi tình của họ càng ngày càng thấm thiết và ai cũng tin rằng thế nào họ cũng sẽ tiến tới hôn nhân. Cả Cận lẫn Bích Anh cũng tin như vậy. Rồi Cận được lệnh tham dự một khóa đặc biệt về tình báo ở một bản cách xa cơ quan chính khoảng bốn chục cây số đường rừng. Khóa học kéo dài ba tháng, nhưng đến giữa tháng thứ hai chàng bị bệnh. Con sốt làm chàng mê man, không ăn không uống gì được. Thuốc men thiếu thốn, bác sĩ không có, các cô nữ cứu thương của bệnh xá đều bó tay. Ai cũng nghĩ rằng chàng không thể qua khỏi, thậm chí người ta đã tìm cây nhờ người Mường khoét thành một cái áo quan dành cho chàng. Bỗng, vào một đêm đã khuya, Bích Anh cưỡi ngựa băng rừng đến thăm chàng. Thấy nàng xuất hiện bất ngờ, mọi người đều ngạc nhiên. Khu rừng chung quanh lớp huấn luyện, về đêm, vẫn nổi tiếng có nhiều hổ. Thế mà Bích Anh dám một mình một ngựa, tay không, đi trong đêm tối. Vừa thấy chàng trên giường bệnh, nàng bật khóc. Nàng không ngờ hai người mới chỉ xa nhau có ít ngày mà chàng trông đã thảm thương, tiêu tụy đến như thế... Nàng lấy trong túi dật ra một gói nhỏ, trao cho cô nữ cứu thương trực, dặn dò:

"Đây là thuốc sốt rét loại tốt nhất bây giờ. Gia đình tôi vừa từ Hà Nội gửi ra cho tôi. Xin cho anh ấy uống ngay, mỗi ngày ba viên."

Rồi nàng tự tay cho Cận uống viên thuốc đầu tiên. Đến sáng, chàng đã hơi tỉnh, nhưng đôi mắt còn lơ lơ mất thần nên không nhận ra nàng. Không thể ở lại săn sóc người yêu, nàng phải trở về cơ quan lúc gần trưa. Nhờ

thuốc của Bích Anh, bệnh Cận thuyên giảm nhanh chóng, dần dần chỉ còn là những cơn sốt cách nhật và ngắn. Khi khóa huấn luyện chấm dứt, chàng trở về cơ quan và nghỉ ngơi được một tuần. Trong thời gian nghỉ ngơi này, Cận và Bích Anh càng hiểu nhau, càng yêu nhau hơn. Rồi ngày lên đường nhận công tác cũng tới. Trong giây phút chia tay, họ không ngờ mãi ngót bốn chục năm sau mới lại gặp nhau.

Cận khẽ thờ dài, nói :

"Tôi vẫn định ninh chả bao giờ mình còn được gặp nhau nữa... Ai ngờ..."

"Em cũng nghĩ như anh...Hiệp định đình chiến mới ký kết, em đã hấp tấp vào ngay Hà Nội với hy vọng được gặp anh. Nhưng nghe tin anh chị đã bỏ đi Nam."

Cận hỏi đùa :

"Lúc đó, Bích Anh còn giận tôi không?"

Bích Anh thành thật đáp:

"Giận anh thì lúc nào cũng giận... cho mãi đến lúc này... Mà yêu thì không bao giờ hết yêu...Vi thế, hồi đó, nếu có được gặp anh, em sẽ khuyên anh nên đi Nam. Anh mà ở lại thì rất nguy hiểm. Không chừng em cũng theo anh chị vào Nam luôn."

"Lúc đó, Bích Anh đã có con chưa ?"

"Chưa. Ở ngoài hậu phương khổ lắm, không dám có con. Mãi năm 56, em mới có con đầu lòng, lúc đó em đã là giáo viên cấp 2."

"Thì ra Bích Anh là cô giáo."

"Mỗi lần dạy học trò tới đoạn Kiều "Tái sinh chưa dứt hương thê, Làm thân trâu, ngựa dền nghi trúc mai" là em nhớ tới anh... Nhưng anh ơi, em chả có lỗi gì để phải làm thân trâu, ngựa..."

Cận phì cười, nói ngay :

"Kiếp sau mới phải làm trâu, ngựa, vậy kiếp này tôi làm gì?"

Bích Anh nhìn chàng bằng đôi mắt triu mến:

"Làm gì thì anh tự biết lấy. Nhưng em cũng xin cảnh cáo là lần này em không để anh... chạy thoát đâu. Hết đường trốn rồi, anh ạ."

Trầm ngâm một lát, Cận nói :

"Hoàn cảnh bây giờ đã đổi khác. Chúng ta đều có con lớn..."

Bích Anh gạt đi ngay :

"Con cái không phải là trở ngại. Các cháu ở Mỹ lâu rồi, tinh thần cởi mở phóng khoáng chứ không hẹp hòi như còn ở Việt Nam."

"Thế còn con của Bích Anh thì sao ?"

"Hai đứa nhón ở Việt Nam không kể làm gì., con nhỏ đang ở với em, mới bảy tuổi. Cháu tên là Nam Ngọc."

"Nam Ngọc! Không phải tên con trai cũng không ra tên con gái." "Hồi cuối bảy năm, em đi Nam về thì có thai cháu. Em coi cháu như viên ngọc của miền Nam nên mới đặt cháu là Nam Ngọc."

Cận cười :

"Mấy thầy cô giáo hay bày vẽ thật. Con gái tôi là Hương vì mẹ nó là Hằng, con trai là Chương vì tôi là Cận. Chẳng câu kỳ gì hết."

"Áy vì cái tên Nam Ngọc và vì cháu hao giống anh..."

Cận cắt ngang :

"Giống tôi? Bích Anh nói gì mà lạ vậy? Làm sao mà giống tôi được!"

"Em cũng chả biết giải thích làm sao... Có lẽ hồi có thai cháu, em nghĩ nhiều đến anh. Bố cháu ghen âm ỉ và không nhận cháu..."

"Càng vô lý nữa! Bây giờ cháu ở đâu? Cháu có theo Bích Anh xuống đây không?"

"Có ạ. Chỉ có hai mẹ con, đi đâu em cũng tha cháu theo."

"Bắt cháu phải nghỉ học?"

"Không, cháu đang nghỉ mùa đông."

Bỗng Bích Anh nhìn đồng hồ, rồi nói :
"Gần bảy giờ rồi, em phải về để đưa cháu đi ăn."

Cận nhìn nàng đăm đăm, dịu dàng :

"Bích Anh vẫn như ngày xưa."

"Sao lại vẫn như ngày xưa được. Em thay đổi nhiều lắm. Hồi đó, khi gặp anh, em là một cô gái mới lớn. Bây giờ em là một bà già, có cháu nội, cháu ngoại rồi."

"Nhưng đáng đáp, cách ăn nói của Bích Anh vẫn như ngày xưa... Vẫn duyên dáng, quyến rũ..."

Bích Anh tủm tỉm cười, nhìn người yêu bằng đôi mắt tinh nghịch hỏi :

"Anh học thói... nịnh đầm từ bao giờ thế ?"

Cận đáp một cách thản nhiên:

"Từ lúc gặp lại... em."

Tiếng "em" chàng buông nhẹ và rất triu mến khiến Bích Anh đỏ ửng mặt vì sung sướng, không thốt nên lời.

Hai người im lặng nhìn nhau một lúc khá lâu, rồi Bích Anh lên tiếng trước:

"Thôi, em phải về kéo cháu mong..."

Cận ngập ngừng:

"Em đợi anh viết cho các cháu mấy chữ, rồi anh đi với em... Anh muốn dành cả buổi tối nay cho em và cháu..."

Bích Anh hỏi lại ngay :

"Chỉ buổi tối nay thôi sao?"

Cận nắm chặt tay nàng, tha thiết :

"Tất cả quãng đời còn lại của anh sẽ dành hết cho em..."

Bích Anh nghẹn ngào không nói nên lời, đôi mắt rung rung...



TẠ QUANG KHÔI
(Virginia)

Hoa Xuân

Lê Văn Khoa 

(Lời Toà Soạn: Xin mời xem bài viết ở website của Cỏ Thơm, <http://cothommagazine.com>, mục “Chụp Ảnh Đẹp” trong chương trình hàng tuần của Lê Văn Khoa để xem các ảnh màu)



Mùa Đông lạnh giá, tuyết phủ vạn vật là lúc cây cỏ được giấc ngủ dài. Trời bớt lạnh dần dần từ từ ra khỏi giấc mơ, nhựa sống luân lưu và cây cỏ bắt đầu nẩy mầm. Tuyết tan chảy ngập các dòng suối, ánh sáng chan hòa khắp nơi đem hơi ấm sưởi trần thế là lúc hồi sinh của vạn vật, người ta gọi đó là XUÂN. Xuân cho con người hình ảnh hoàn toàn khác với Đông. Đông ở những vùng có tuyết, người ta chỉ thấy một màu trắng lạnh lẽo. Xuân tung bừng với muôn sắc hoa tràn ngập màu ấm.

Nhiếp ảnh gia Tăng Khánh Lượng cho ta một cái nhìn khái quát về hoa Xuân. Vườn hoa tươi thắm làm người khao khát muốn tìm hiểu nhiều hơn, để thấy hình ảnh Xuân trong thiên nhiên hơn là nhà cửa, dinh thự, những tòa nhà cao ngất che hết tầm nhìn của ta. Ông hướng dẫn chúng ta vào rừng một sáng sớm. Sương mờ còn đỏ, nhưng những cành Dogwood đã nở đầy hoa trắng tạo màu sắc hòa hợp với sương mù.

Sự hồi sinh không phải chỉ có trong thảo mộc. Thú vật cũng bừng tỉnh sau giấc ngủ mùa Đông, phục hồi sinh lực, chạy nhảy khắp nơi và chim hót líu lo đầu cành. Tất cả gọi cho con người một tươi vui mới, một nguồn sống mới.



Đất cũng tham gia vào cuộc sống, tiết ra chất dinh dưỡng để nuôi cây cỏ, tỏa ra một mùi nhẹ thoang thoang trong không khí mà người ta gọi là mùi đất mới.

Tăng Khánh Lượng mời ta đến gần hoa cây **Dogwood** (Sơn Thù Du) để quan sát hoa kỹ hơn. Hoa đẹp đấy chứ. Nó tương tự như hoa mai trắng, đem chưng trong nhà trong mấy ngày đầu Xuân chẳng hại gì.

Dogwood là loại hoa khá phổ thông và được ưa chuộng của Hoa Kỳ. Tiểu bang Virginia đã chọn cả cây và hoa làm biểu hiệu cho mình từ thời Nam Bắc phân tranh. Missouri chọn cây Dogwood làm cây biểu tượng của tiểu bang. North Carolina chọn hoa Dogwood làm hoa chính của tiểu bang. Nhiều lễ hội Dogwood được tổ chức ở nhiều tiểu bang khác. Hoa được ưa chuộng đến tên của hoa này được dùng đặt tên cho nhiều thành phố ở Hoa Kỳ, Dogwood City.

Dogwood có nhiều giống với nhiều màu hoa khác nhau, nhưng hoa trắng thịnh hành hơn hết, như hoa trong ảnh này.

Người ảnh Tăng Khánh Lượng giới thiệu với ta một loại hoa khác, tên **Magnolia** (Mộc Lan). Loại hoa này có rất nhiều giống. người ta cho loại hoa này đã xuất hiện trước khi có loài ong bướm để giúp hoa truyền giống. Vì được loài bọ vỏ cứng, nặng nề, tiếp nhụy nên hoa có cánh cứng để chống đỡ thân bọ. Magnolia lấy theo tên Magnol, một nhà nghiên cứu thảo mộc Pháp. Hoa có nhiều màu khác nhau.



Primrose (Anh Thảo) là loài hoa có cánh mềm, có nhiều màu, người ta thường trồng trong sân nhà. Tăng Khánh Lượng chụp cận ảnh trong ánh sáng dịu, giúp ta thấy được những đường gân trong từng cánh hoa. Cánh hoa mong manh, màu sắc dịu dàng rất thích hợp với lòng người yêu vẻ đẹp thùy mị.

Người ảnh Vy Văn Đô đưa ta vào sự thưởng ngoạn hoa hơi khác. Ông đem hoa vào nhà, nghiên cứu bố cục, điều chỉnh ánh sáng cẩn thận trước khi chụp hình. Mời quý vị xem loài hoa có tên là



Calla Lily là loài hoa có cọng dài, đài hoa như loa kèn. Hoa có nhiều màu sắc khác nhau, Ảnh của Vy Văn Đô, rất đơn sơ nhưng màu sắc thật đẹp. Một bình hoa như thế này trong những ngày đầu Xuân sẽ cho gia chủ nhiều phút thoải mái.

Calla Lily có khi người ta viết thiếu chính xác là Calla Lily không phải là hoa huệ (lily) chính thống. Calla Lily thuộc giống Zantedeschia. Tất cả hoa thuộc giống này đều rất độc có thể làm chết trẻ con và thú vật nhỏ.

Loài hoa này có thể chịu được độ lạnh -20 F và có loại sống trên vùng đất không bao giờ bị đông đá. Vy Văn Đô dùng ảnh hoa thay thiệp chúc Tết gửi đến quý độc giả thân yêu.



Bird-of-Paradise (Phượng Hoàng). Người ta gọi tên bird-of-paradise vì hoa có hình dáng như mỏ chim và lông đầu của chim. Có người nói hoa có hình dáng như chim đang bay. Vì màu sắc đẹp đẽ của hoa nên người ta cũng dùng nó như là biểu tượng của thiên đàng.

Bird of Paradise cũng có nhiều loại khác nhau. Có loại thân cây cao đến 10 thước tây. Ta thường gọi hoa này bằng một tên không tao nhã, là hoa Chuối Dại, không hẳn là sai, vì lá cây giống lá chuối và nó thuộc loại chuối (banana) dòng họ Musaceae. Người ta kể bird-of-paradise là hoa miền nhiệt đới.



Hoa **Iris** của Vy Văn Đô. Theo thần thoại Hy Lạp thì nữ thần Iris có nhiệm vụ đem nước từ sông Styx trong chiếc bình rộng miệng đến mỗi khi các thần nam cũng như nữ thần nguyên quan trọng. Thần nào thần gian dối hay vi phạm lời thề sẽ bị bắt tỉnh một năm. Nếu tòa án ngày nay có thần Iris hay nước thánh ấy, ta không cần luật sư hoặc số luật sự sẽ giảm rất nhiều. Loài hoa này có 300 giống khác nhau. Hoa có 6 cánh, ở giữa cánh hoa đứng thẳng gọi là trụ (standards) các cánh bên ngoài tỏa ra và sụp xuống gọi là xòe (falls). Đây là loại hoa thường được dùng trang trí, và cũng là loài hoa được nhiều họa sĩ Đông cũng như Tây vẽ tranh.



(Ảnh bên cạnh là Sen Trắng của Vy Văn Đô.)

Sen là loài hoa mọc dưới nước và có lẽ đó là loài hoa có nhiều biểu tượng hơn hết. Người ta cho hoa sen có sự tinh khiết từ bên trong tỏa ra ngoài.

Hoa Sen được trọng vọng trong cả Ấn giáo cũng như Phật giáo, vì thế ảnh hưởng của hoa này trải rộng từ Ấn Độ đến Nhật Bản, xuyên qua Thái Lan, Việt Nam và Trung Hoa. Người ta thấy rất nhiều hình Phật và các thánh của Ấn giáo tay cầm hoa sen và đứng hoặc ngồi trên đóa sen. Nếu có ai chưa hề nhìn thấy hoa sen, có lẽ họ cũng đã có lần ăn hạt sen, dưới nhiều dạng biến chế khác nhau, hoặc trong thuốc bắc. Người ảnh Thái Đắc Nhã gửi đến ta ảnh hoa đào.

Hoa Đào có hình dáng tương tự như hoa Lê, hoa Mai. Hoa nở từng chùm rất đẹp. Hoa có nhiều giống với màu sắc đậm nhạt khác nhau. Ở thủ đô Washington có hàng cây đào hoa trắng trồng quanh bờ hồ trước đền kỷ niệm Jefferson, của chính phủ Nhật Bản tặng, Hằng năm vào tháng Tư khi hoa đào nở rộ người ta tổ chức lễ hội Hoa Đào rất linh đình.





Tôi nhớ khi còn nhỏ được biết hoa lan là loài hoa rất quý và hiếm, người ta phải lên rừng sâu ở cao nguyên tìm hoa đem về thành. Khi đi dự hội nghị ở Singapore, tôi vô cùng ngạc nhiên thấy người ta trồng lan làm hàng rào. Thật ra lan có thể là loài hoa có nhiều hơn hết trên mặt địa cầu, với 10,633 loại của 764 giống khác nhau. Mỗi năm người ta tìm ra những giống mới và cho lai giống mới. Việt Nam cũng đóng góp vào hàng hoa lan hiếm quý trên thế giới.

<Đây là ảnh **Lan Đất** của Thái Đắc Nhã.

Lan đất có lẽ là loại dễ trồng hơn hết.)Thái Đắc Nhã giới thiệu cho ta một thứ hoa ít khi thấy, đó là hoa **Passion**, người Việt gọi là Chanh Dây. Đây là loại dây leo có trái. Có trên 500 loại hoa này.

Hoa passion có dược tính an thần nên rất được trọng dụng trong dược giới. Tuy nhiên bên cạnh cái lợi cũng có cái hại. Dùng không cẩn thận không phải là điều nên làm. Khi nói đến từ passion bạn không khỏi hiểu theo nghĩa thông thường là dục vọng, ham muốn cuồng nhiệt, hay đam mê v.v. . Nhưng passion ở đây có nghĩa là khổ nạn của Chúa Jesus. Ở Tây Ban Nha người ta gọi là espina de Cristo (gai của Chúa



Giê-su). Người Đức gọi là Christus Krone (mào của Christ), hay là dorn-krone (mào gai), Marter (thương khó, khổ nạn).

- Đầu lá nhọn tượng trưng cho mũi giáo đâm Chúa.
- Tua quần của dây hoa tượng trưng cho roi da đánh Chúa.
- Mười đài hoa và cánh hoa tượng trưng cho 10 môn



đệ trung thành của Chúa (Phê-rô chối Chúa và Du-đa phản Chúa).

- Những tia nhỏ tỏa ra (có thể lên đến 100 tùy loại hoa) tượng trưng cho mũ gai đội đầu Chúa.
- Buồng trứng có hình dáng cái ly và bồn chứa tượng trưng cho chén nước Chúa uống.



- Ba búp chằm tượng trưng cho ba dấu đinh và năm que bên dưới tượng trưng cho 5 vết thương, bốn là vết thương do đinh đóng và vết thứ năm là do giáo đâm vào ngực Chúa.

- Màu xanh và trắng của hoa tượng trưng cho Trời và sự Tinh khiết.

Mời quý bạn trở về trần thế hơn và gần gũi chúng ta và ngày xuân hơn.

Người ảnh Nguyễn Học Hải mời quý vị bước vào vườn Đào để xem **Điệu Vũ Hoa Đào** không do kiều nữ Nhật Bản múa mà do các kiều nữ Việt Nam. Tôi rất phục ông Nguyễn Học



Hải đã điều động được chùng này người đẹp đưa vào vườn đào ở khá xa để chụp ảnh mà ông vẫn còn nguyên vẹn để trở về. Vì có chủ ý từ trước nên ông dùng toàn màu ấm cho ảnh đẹp này. Ảnh chứng tỏ con người hòa hợp với thiên nhiên khi nắng xuân ấm trở về.

Nguyễn Học Hải không đề tên ảnh, nhưng **E Thẹn** có lẽ là tên thích hợp cho ảnh này. Người

đẹp cũng được gọi là hoa. Hoa di động ở giữa rừng hoa bất động, tạo thành hình ảnh tuyệt vời cho mùa Xuân. Người đẹp e ấp giữa vườn đào. Em chờ đợi ai mà có vẻ vừa e thẹn, vừa bối rối.

Đối với người Việt Nam hoa Mai là thứ hoa phải có trong mùa Xuân. Phải chăng vì đọc trại theo người miền Nam nó trở thành loài hoa đem nhiều may mắn đến cho người? Hay màu vàng tươi của hoa đồng nghĩa với vàng kim loại?



ngọn mai nở thật đều. Dù có tin nơi ý nghĩa của hoa có đem đến may mắn cho ta hay không, có hoa đẹp trong nhà và quanh nhà

Hoa mai cũng là dấu hiệu của sĩ quan trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Người ảnh Lâm Hoài Thạch cho ta một chậu hoa mai với rất nhiều nụ, hứa hẹn sẽ có rất nhiều hoa trong mấy ngày Tết. Người trông mai phải chăm sóc cây hoa, nhất là cần ngắt lá đúng thời tiết và đúng ngày để hoa sẽ nở vào ngày Tết để có nhiều may mắn và có hoa trọn vẹn trong ba ngày Tết.

Người ảnh Trương Công Khả gửi đến một



vẫn là điều ước mong của mọi người.

Thú chơi hoa đã lôi cuốn người lớn tuổi một cách say mê. Họ để rất nhiều thì giờ nghiên cứu và tía củ Thủy Tiên để có hoa đẹp trong ngày Tết. Các cụ biết cách gọt củ cho đúng luật, đúng ngày, biết cách thúc, hãm hoa v.v. . . để hoa nở đúng ngày mong muốn. Hoa trắng tinh khiết phải được đặt trong tô cổ, có khay trà bên cạnh, ngồi uống trà, ngắm hoa, bàn chuyện nhân thế cũng là lối hưởng nhân cao quý.

<Ảnh **Hoa Thủy Tiên** của nhiếp ảnh gia Phạm Văn Mùi.



nóng theo cha mẹ để đi chúc thọ ông bà và thân nhân, để được nhận tiền lì xì.



Ảnh của Nguyễn Phương.

Nguyễn Phương gửi hai ảnh. Cả hai đều có chất nổ.

Ảnh 1- Các em dọn đốt pháo.

Ảnh 2- Xác pháo nổ đầy sân. Pháo



Bùi Văn Liêm gửi đến ta một hình ảnh quen thuộc, hai em bé Việt trong quốc phục, như tất cả các em bé Việt khác, dù ở trong nước hay ở nước ngoài, dù lúng túng vì lần đầu được mặc áo dài và đầu đội khăn vành, nhưng lòng chần chẫn rộn ràng trong niềm vui mới.

Nếu không theo cha mẹ đi chúc Tết, và nếu được tự do tụ tập, các bé trai không khỏi tìm thú vui mới, bắt chước người lớn đốt pháo. Các em thích đùa với lửa, đùa với chất nổ lớn của phong pháo đại khá dài mà không nghĩ đến sự nguy hại của pháo.



vẫn còn nổ, Khói pháo bao trùm cánh trí, chỉ lộ một đầu lân. Tiếng pháo nổ đuổi tà ma, xui xẻo đi. Lân đem niềm vui và thịnh vượng đến. Vì vậy lân và pháo không thể thiếu trong mấy ngày Tết. Vì vấn đề an ninh và hỏa hoạn đã hạn chế nhiều, nhưng những nơi nào được phép, pháo vẫn nổ. Lân mà không có pháo, cảnh múa lân mất hào hứng.

Nhân dịp Xuân về Lê Văn Khoa xin kính chúc quý vị một năm an lành, hạnh phúc và thịnh vượng.

LÊ VĂN KHOA

Việt Nam Gấm Hoa của học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm

Bài “TÓC BẠC GẤM MÂY SÀU XÃ TẮC”

- *Xuất xứ hai câu thơ: “Nước loạn, canh tàn, khóc bể dâu” và “Tóc bạc, gấm mây, sầu xã tắc”.*
- *Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành chết như thế nào?*
- *Trường hợp hai vua Dục Đức và Hiệp Hòa bị bức tử; và vua Kiến Phúc đột ngột qua đời.*

*

Vua Thiệu Trị có tới 64 người con gồm 29 hoàng tử và 35 công chúa. Con trưởng của Vua Thiệu Trị là Hồng Bảo bị Hồng Nhậm tức vua Tự Đức giết vì chống đối di chiếu (?) sửa lại cho Hồng Nhậm nối ngôi. Người con út là Hồng Dật tức vua Hiệp Hòa cũng bị Thuyết và Tường giết vì nhà vua toan tính giết hai ông này (?).

Vua Tự Đức bệnh hoạn, lấy nhiều vợ mà không có con, nên có nuôi 3 người cháu là Ứng Chân (Vua Dục Đức), Ứng Đường (Vua Đồng Khánh), và Ứng Đăng (Vua Kiến Phúc).

Sau khi Vua Tự Đức mất, hoàng cung Triều Nguyễn bắt đầu rơi vào thảm cảnh tranh giành đẫm máu và nước mắt giữa các anh em trong dòng tộc với sự cấu kết của các quyền thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường với các bà phi, đặc biệt là bà Học Phi, nguyên tên là Yên mà Vua Tự Đức bắt gặp trú mưa bên bên Vân Trình, được nhà vua thấy vừa ý và cho vời vào cung làm tài nhân rồi sau phong làm Tam Giai Phi. Sự kiện

này khiến cho làng Vân Trình truyền tụng câu ca dao:

Trời xui có trận mưa đông

Khiến con chim én vào trong đền vàng

Hai ông Phụ Chính Tường và Thuyết cấu kết với các bà phi thao túng triều chính một cách tàn ác khiến cho dân gian gọi họ là “**lũ thỉ**”, tức là giết bỏ cả lũ cả loạt các vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, và các đại danh thần như Trần Tiễn Thành. Các thân thích hoàng tộc và nhiều quan chức ai cũng phải khiếp sợ mà bỏ trốn. Đó chính là ý nghĩa của câu thơ “Tóc bạc gấm mây sầu xã tắc” của Sơn Thương Tùng Thiệu Vương Miên Thẩm (1819-1870).

Xin lưu ý: trong chính sử trước đây, những sự kiện xảy ra thường được ghi chép lại sao cho có lợi cho phe nhóm đang cầm quyền. Chẳng hạn, hoàng tử Hồng Bảo có thực sự bị vua Thiệu Trị truất ngôi thế tử không, hay đó chỉ là di chiếu giả của nhóm Tường và Thuyết? Vua Hiệp Hòa có thực sự muốn diệt hai ông Tường và Thuyết, hay đó cũng chỉ là cơ bịa đặt của phe nhóm Tường và Thuyết khi họ muốn diệt ông vua này để lập một ông vua khác non trẻ để dễ khuynh loát? Vua Kiến Phúc có thực sự qua đời đột ngột vì bệnh hay bị đầu độc vì đã mục kích thấy Nguyễn Văn Tường và bà Học Phi tư thông với nhau?

*

Sau khi viết bài “Nước Loạn Canh Tàn Khóc Bê Dâu” đăng trong *Việt Nam Gấm Hoa* (tr.201) nói về trường hợp vua Hàm Nghi bị bắt và vua Thành Thái bắt ngờ được đưa lên là ngai vàng; Tôn Thất Thuyết hộ giá Vua Hàm Nghi bỏ kinh đô vào rừng núi kêu gọi kháng Pháp; và Nguyễn Văn Tường ở lại kinh đô hợp tác với Pháp, học giả Thái Văn Kiểm liền biên soạn bài “Tóc Bạc Gấm Mây Sầu Xã Tắc” kể tiếp về cái chết nghẹn họng của Nguyễn Văn Tường; việc Trần Tiễn Thành bị sát hại; và trường hợp các vua Dục Đức, Hiệp Hòa, và Kiến Phúc bị hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết bức tử.

Vua Tự Đức tức Hồng Nhậm được tiếng là có hiếu với mẹ là bà Từ Dũ nhưng lại nhẫn tâm giết anh là Hồng Bảo để giữ ngôi vua. Ông có rất nhiều vợ nhưng lại không thể có con vì bệnh hoạn. Ông nhận 3 người cháu làm con nuôi là Ưng Chân (Vua Dục Đức), con Thoại Thái Vương; Ưng Đường (Vua Đồng Khánh), con của Kiến Thái Vương; và Ưng Đăng (Vua Kiến Phúc), con của Kiến Thái Vương.

Vua Tự Đức để lại di chiếu truyền ngôi cho con nuôi trưởng là Ưng Chân lúc đó đã 31 tuổi, nhưng trong di chiếu lại ghi câu rất tai hại cho uy tín của vị vua tương lai: “*Dục Đức có tật nơi mắt, lâu ngày có thể sẽ bị mù, tính lại hiếu dâm, rất không tốt, chưa chắc đã đảm nổi việc lớn. Nước đang cần có Vua lớn tuổi, nếu bỏ hoàng tử trưởng thì không biết lấy ai ...*”. Chính câu nói này đã tạo cơ hội cho Thuyết và Tường giết Vua Dục Đức và thanh toán Trần Tiễn Thành.

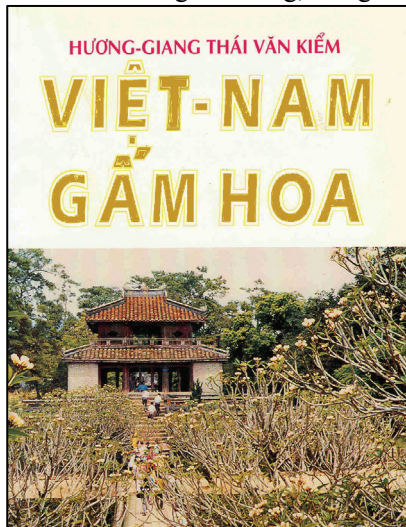
Vua Tự Đức lại chỉ định ba vị phụ chính theo thứ tự là Trần Tiễn Thành, Tôn Thất Thuyết, và Nguyễn Văn Tường. Trong 3 ông này, chỉ có Trần Tiễn Thành là người có sở học cao (Tiến Sĩ Đệ Tam Giáp, 1838), xứng đáng là **Kẻ Sĩ**, là một tôi thân lương đồng được vua Tự Đức ban cho tên “Tiễn Thăng” có nghĩa là “đi thẳng” thay cho tên cũ là “Thời Mẫn”.

Còn ông Thuyết chỉ là thành phần võ biên mà Vua Tự Đức có nhận xét: “Học vấn còn ít, song có trí dũng, lại giỏi việc binh”; ông được thăng tiến nhờ có công bắt sống được Hoàng Sùng Anh, thủ lĩnh Quân Cờ Vàng, trong trận đánh tại làng Châu Thượng, Vĩnh Tường, Tuyên Quang, năm 1875.

Riêng Nguyễn Văn Tường thì nguồn gốc xuất thân không rõ ràng, tự xưng là con riêng của Vua Thiệu Trị, lại được Trần Tiễn Thành tiến cử làm chức bang biện huyện Thành Hóa, Quảng Trị, rồi được đưa ra Bắc làm phụ tá cho Hoàng Kế Viêm. Sau này, chính Tường là người chủ mưu cùng với Tôn Thất Thuyết sai thủ túc là Hầu Chuyên giết Trần Tiễn Thành tại nhà ở Gia Hội,

Huế. Như vậy, Tường đã nhúng tay vào việc giết người ân của mình.

Dưới quyền sinh sát của Thuyết và Tường, và sự tranh giành đẫm máu giữa các hoàng phái, hoàng cung Triều Nguyễn trở thành một nơi đầy kinh hoàng khiến cho hoàng thân quốc thích và các đại quan phải tìm cách lánh khỏi triều đình để được an thân. Sự khuyhnh đảo triều chính của hai ông



đã tạo cơ hội cho Người Pháp xen lẫn vào nội bộ nước ta ngày một nhiều hơn. Ông Thuyết sau đó sang Tàu cầu viện bắt thành rồi bị giam lỏng và chết ở bên đó. Ông Tường bị đày sang đảo Tahiti và có đạo dụ cho trâu hồi hết bằng sắc, huy chương, và tịch thu tài sản. Tường ở đảo được 6 tháng thì chết vì bệnh ung thư cổ họng (1866), xác được đưa về VN và khi lên tới bờ thì bị nhà vua sai người quất một roi phạt tượng trưng.

Nhưng cái gì sẽ xảy ra nếu như không có mặt của người Pháp vào thời đó? - Chắc chắn sẽ xảy ra cuộc thanh toán lẫn nhau giữa ông Thuyết và ông Tường để rồi một trong hai ông sẽ tìm cách soán đoạt ngôi như Hồ Quý Ly cướp ngôi Nhà Lý hay Mạc Đăng Dung soán ngôi Nhà Lê trước. Tóm lại, tội của hai ông Tường và Thuyết không phải là nhỏ. Sau đây là phần tóm lược bài “Tộc Bạc Gấm Mây Sầu Xã Tắc” của TS. Thái Văn Kiểm.

Xuất xứ hai câu “Nước Loạn, Canh Tàn, Khóc Bể Dâu” và “Tộc Bạc Gấm mây, Sầu Xã Tắc”

Tiền Sĩ Hương Giang Thái Văn Kiểm viết trong Việt Nam Gấm Hoa (tr.215):

Bài “Nước Loạn Canh Tàn Khóc Bể Dâu” lấy đầu đề nơi một câu thơ của nữ sĩ Tương Phố, Khuê Canh Đỗ Thị Đàm (1897-1973), bài thơ mang tên “Sau Con Mưa Gió”, trích từ thi tập Mưa Gió Sông Tương:

Ba sinh lờ dờ mỗi duyên đầu

Chiếc bách lênh đênh bể thẳm sâu

Yên tri sang ngang gây lại phúc

Đau lòng dần bước vương thêm sầu

Má hồng phận mỏng cay son phấn

Nước loạn canh tàn khóc bể dâu

Mưa gió sông Tương¹ thơ đắm lệ

¹ Tương, tức sông Tương Thủy hay Tương Giang, bắt nguồn từ núi Dương Hải, Hưng An, Quảng Tây, Trung Hoa. Sông dài hơn 2000

Đoạn trường ai cảm khách qua cầu

*Nay tôi viết thêm bài này [bài Tóc Bạc Gấm Mây Sầu Xã Tắc] nhằm bổ túc bài trước [Nước Loạn Canh Tàn Khóc Bể Dâu]. Và tựa đề “Tóc Bạc Gấm Mây Sầu Xã Tắc” là nhằm nhắc lại một lời than của Thương Sơn Tùng Thiện Vương Miên Thẩm (1819-1870): **Bạch phát cảm vân sầu xã tắc!***

Cái Chết của Nguyễn Văn Tường

Trước tiên tôi xin trả lời một độc giả về cái chết của Quận Công Nguyễn Văn Tường theo tài liệu của Linh Mục Adolphe Delvaux trích dẫn trong Bulletin des Amis du Vieux Huế, số 4, 1923: “Quận Tường đến Tahiti tháng Hai 1886 và ở đây chỉ được 6 tháng. Ông sống một cách kín đáo, ít người để ý tới ông, ngoài trừ bảy, tám người tùy tùng”.

Linh Mục Delvaux đã căn cứ trên một lá thư phúc đáp ghi ngày 26.12.1922 của Giám Mục Hermel, cai quản địa phận Tahiti. Thư này nói thêm: “Theo lời một thân hữu của tôi là bác sĩ Chassaniol, người đã điều trị cụ phụ chánh cho tôi ngày chết, thì Quận Công đã chết vì bệnh ung thư cổ họng (cancer à la gorge).

Chúng ta cũng được biết thêm: Chiếc tàu chở các ông Nguyễn Văn Tường, Phạm Thân Duật, và Tôn Thất Đình (thân sinh ông Tôn Thất Thuyết) từ Côn Đảo sang Tahiti tên là La Clochesserie.

dặm. Tục truyền: vua Thuán đi tuần thú và mất ở đất Thương, ven bờ Sông Tương. Hai bà vợ Nga Hoàng và Nữ Anh, nguyên là hai con của vua Nghiêu, đến bờ sông khóc lóc thảm thiết, nước mắt vẩy vào các bụi trúc bên sông khiến cho lá trúc bị lốm đốm nên gọi là Tương Phi Trúc. Từ đó, những giọt nước mắt sót thương người yêu được gọi là giọt Tương, như câu thơ “Cúi đầu chàng những gạt thắm giọt Tương” (Kiều, Nguyễn Du).

Chính phủ Pháp thuận cấp số tiền dinh dưỡng 30.000 quan hàng năm cho Quận Tường.

Một sắc lệnh của Vua đã thấu hồi tất cả bằng sắc và huy chương mà triều đình đã ban thưởng cho Quận Tường, chưa kể quyết định tịch thu gia sản, nhưng quyết định này bị thu hồi vì dân tâm không tán thành.

Bệnh ung thư cổ họng khiến Quận Tường không ăn uống gì được, rồi thở cũng không được, cho nên phải chết như một người bị thắt cổ.

Theo Công Báo của Tahiti ngày 5.8.1886, trang 202, thì:

Nguyễn Văn Tường, cựu Tể Tướng vương quốc An Nam, đến Tahiti hồi tháng Hai năm nay, trên chiếc tàu Scorff, đã tạ thế tại Papeete ngày thứ Sáu, 30 tháng 7, 1886, lúc 4 giờ 30 sáng.

Thi hài đặt vào bốn cái hòm lồng nhau (*renfermé dans un quadruple cerceuil*) đã được tạm để vào hầm, chờ ngày di chuyển về Huế.

Cũng theo Công Báo của Tahiti ngày 9.12.1886, thì: “Thừa lệnh Bộ Thuộc

Địa Pháp ghi ngày 20.10.1886, cho phép di chuyển thi hài Quận Tường về xứ An Nam. Thống Đốc các Thuộc Địa Pháp ở Océanie tên là Th. Lacascade đã ký Nghị Quyết ngày 9.12.1886 cho phép đưa quan tài ra khỏi hầm với sự hiện diện của trưởng sở y tế và trưởng sở cảnh sát, y viên có nhiệm vụ lập biên bản dịch vụ”.

Ngoài ra, chúng ta cũng được biết: trong số bộ hộ tịch số 60 của thị xã Papeete có ghi rõ ngày tạ thế 30 tháng 7 năm 1886 của Quận Công Nguyễn Văn Tường lúc 4 giờ khuya, hưởng thọ khoảng 65 tuổi.

Xuyên qua các tài liệu kể trên, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt nơi tên chiếc tàu đã chở các ông quan An nam từ Côn Đảo sang Tahiti: Theo báo *L’Avenir du Tonkin* và báo *L’Union Indochinoise* ra ngày 22.10.1886 thì tên tàu là *La Clochesserie*; còn theo Công Báo Tahiti ngày 5.8.1886 thì tên tàu là *Scorff*. Chúng ta đoán có thể là có sự đổi tàu giữa chuyến đi chăng?

*

Như vậy là Tường qua đời tại Tahiti vì bệnh cancer cổ họng vào năm 1886 và thi hài được chở về nước có sự hộ tống của Tôn

Thất Đỉnh là cha của Tôn Thất Thuyết. Khi tàu về tới Cửa Thuận An, vua Đồng Khánh cử một viên quan Bộ Hình ra tận Cửa Thuận chờ quan tài Quận Tường lên tới đất liền thì quất một roi phạt tượng trưng rồi mới cho thân nhân nhận về mai táng tại quê quán: An Cư, Triệu Phong, Quảng Trị (xem: *Việt Nam Gấm Hoa*, tr.207, Thái Văn Kiềm).

Tiếp theo đây là phần nói về quan Phụ Chính Trần Tiên Thành bị hai ông Tường và Thuyết hãm hại như thế nào qua sự tâm của TS. Hương Giang Thái Văn Kiềm trong *Việt Nam Gấm Hoa* (tr. 217).

Trần Tiên Thành và Người Minh Hương

Như chúng tôi đã nói trong bài trước, học giả Đào Duy Anh là cháu rể của Phụ Chánh Trần Tiên Thành. Sau thời gian hoạt động cách mạng trong Đảng Tân Việt tại Miền Trung, Đào tiên sinh và một số đồng chí đã mở trường dạy học lấy tên là Thuận Hóa, phía tả ngạn Sông Hương. ... Trường này, cũng giống

như Trường Phú Xuân ở xóm Gia Hội là nơi quy tụ nhiều giáo viên đã từng có một thời hoạt động chống thực dân Pháp như các ông Cao Văn Chiểu, Bùi Ái, Tôn Quang Phiệt, Đào Đăng Vỹ ... Riêng học giả Đào Duy Anh, ngoài việc dạy học, còn cặm cụi biên soạn tự điển với sự khuyến khích và hiệu đính của Hãn Mạn Tử (mật hiệu của cụ Phan Bội Châu)...

Theo một bài biên khảo của Đào Duy Anh đăng trong tạp chí Đô Thành Hiếu Cổ số 2 năm 1944, chúng ta được biết: họ Trần sinh ngày 14 tháng 12 năm 1813, giờ Canh Thìn ở làng Minh Hương (Thanh Hà), huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Tổ tiên ông gốc Phúc Kiến, làng Ngọc Châu, huyện Chương Châu, phủ Long Khê, đã tránh nạn xâm lăng của người Mãn Châu làm suy sụp nhà Minh, và di cư sang nước Nam, định cư ở làng Thanh Hà, tục danh là Phố Lỡ, sống buôn bán làm ăn. Thân mẫu của ông khuê danh là Lâm Thị Phúc Châu, ái nữ của Huân Đạo Lâm Nhật Thăng cũng là người Minh Hương. Hai chữ “Minh Hương” này đã được Trịnh Hoài Đức (1765-1825) viết trên đôi liễn treo nơi đền Minh Hương ở quận 5 Chợ Lớn:

Minh đồng nhật nguyệt diệu Nam thiên,
phụng chữ lân châu Gia cầm tú
Hương mẫn càn khôn linh Việt địa,
long bàn hồ cú Thạnh văn chương

Chúng ta nên chú ý nơi ba cặp chữ đối nhau: Minh / Hương; Nam / Việt; và Gia / Thạnh. Danh từ kép Minh Hương thường đi đôi với Gia Thạnh để chỉ cư điểm đầu tiên của Hoa Kiều ở miền Nam. Minh Hương có nghĩa là làng xã của những người [Hoa] trung thành với Nhà Minh. Còn Gia Thạnh có nghĩa là tốt đẹp và thanh vượng.

Những người Minh Hương phần nhiều thuộc dòng dõi các danh sĩ và tướng lãnh miền Lĩnh Nam thuộc đại tộc Bách Việt xưa, gồm các tỉnh Triết Giang (Việt Đông), Phúc Kiến (Mãn Việt), Quảng Đông (Nam Việt), và

Quảng Tây (Tây Âu, Âu Việt). Họ có học vấn cao và có khí phách, không chịu phục tùng Nhà Mãn Thanh từ Mãn Châu sang đô hộ nước Tàu. Họ là những thuyền nhân đầu tiên trong lịch sử cận đại Á Đông, đã cả gan vượt sóng đi tìm tự do và đất sống. Họ tiến về phương nam theo quy luật trường kỳ của đại tộc Bách Việt là nam tiến mà các sử gia Tây Phương, trong đó có giáo sư Bernard Lafont của Đại Học Đường Sorborne, quen gọi là *une constante de l'Histoire*. Họ mạnh dạn tiến về Nam Hải để tìm những người anh em dòng họ đã từng đi từ các thế kỷ trước như Sĩ Nhiếp, Mâu Bác, nhà thông thái có công truyền bá Phật Giáo từ cổ thành Luy Lâu, Bắc Ninh. Họ được dẫn dắt bởi các nhà lãnh đạo như Mạc Cửu, Trần Thượng Xuyên, và Dương Ngạn Địch. Họ được Chúa Nguyễn giao phó sứ mạng mở mang và khai phá miền Nam nước Việt vốn hoang vu thành một dải đất xinh đẹp, phì nhiêu vào bậc nhất nhì Đông Nam Á.

Từ thuở xa xưa đó, các họ Mạc, Trần, Dương, Lâm, Trịnh, Thái, Hoàng, Quách, Phan, Chu đã nhận Việt Nam là quê hương của họ. Họ đã lập những chiến công hiển hách, đã sáng tác thi văn, chiêu hiền, đãi sĩ nơi Chiêu Anh Các, qua Hà Tiên Thập Vịnh. làm giám khảo

Lúc chạy sang nước ta, Mạc Cửu đem theo viên kỷ lục họ Lâm, tức là tổ tiên của Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1906- 1969), còn bà Đông Hồ Thái Mộng Tuyết là dòng dõi của bà mẹ Tổng Binh Mạc Cửu mà dân Hà Tiên còn thờ phụng với phương danh là Thái Bà Bà.

Cùng trong thời tao loạn tiếp xúc Đông Tây đó, trong Nam có cụ **Phan Thanh Giản** (1796- 1867), thì ngoài Trung có cụ **Trần Tiễn Thành**, cả hai ông đều gốc Minh Hương. Thân sinh của họ Trần là Trần Triều Đức, xuất thân là giáo viên trường làng. Lúc

Trần Tiễn Thành lên 9 tuổi thì thân phụ ông được Trịnh Hoài Đức đề bạt vào chức quan Hàn Lâm Viện Điển Bộ, rồi được cử ra Thăng Long hành sự. Ba năm sau thì ông được trở về Huế. Năm 1824 ông được cử vào Nam giữ chức Tri Phủ Tân Bình ở Gia Định. Chưa đầy một năm thì ông thọ bệnh mà mất vào ngày 10 tháng 8 năm 1825, hưởng thọ 50 tuổi. Bà mẹ lúc đó mới 41 tuổi phải trở về Gia Hội buôn bán tằn tảo nuôi năm con dại.

Lúc Trần Tiễn Thành được 17 tuổi thì đến học tại dinh của cậu là cụ Nguyễn Khoa Minh, Lễ Bộ Thượng Thư. Tới năm 22 tuổi, ông nhập Trường Quốc Tử Giám, có năng khiếu về thi phú. Năm 23 tuổi ông cưới con gái quan Lễ Bộ Thượng Thư Lương Tiến Tường. Năm 25 tuổi, ông đậu Cử Nhân Khóa Đinh Dậu 1837 do Hà Tôn Quyền là giám khảo và Phan Thanh Giản làm phụ khảo. Năm sau, Trần Tiễn Thành đậu Tiến Sĩ Đệ Tam Giáp (Điện thí) do ba đại thần Phạm Hữu Tâm, Trương Đăng Quế, và Hà Duy Phiên sát hạch. Liên năm đó ông được cử giữ chức Hàn Lâm Viện Biên Tu.

Đến thời Thiệu Trị, ông được thăng tới chức Án Sát tỉnh Thanh Hóa. Đến đời Vua Tự Đức, Trần Tiễn Thành được cử đi công tác Hà Nội, tên mới của Thành Thăng Long từ đời vua Minh Mạng. Nơi đây ông cưới một nàng hầu mới 17 tuổi, tên Hoàng Thị Giám, cũng gốc Minh Hương. Bà này sinh hai con, người đầu tiên là Trần Tiễn Hối, sau này làm Tổng Đốc Nghệ An.

Tháng Tư năm thứ sáu triều Tự Đức (1843), Vua ban tên mới là Tiễn Thành (đi ngay thẳng) cho ông thay tên cũ là Thời Mẫn. Năm 1863 ông được Vua Tự Đức chọn làm Thượng Thư Bộ Binh, lúc đó ông vừa đúng 20 tuổi.

Năm Tự Đức 32, 1879, Vua Tự Đức, vì cảm mến đức độ và văn tài, đã nâng ông lên chức Văn Minh Điện Đại Học Sĩ, hàng ngũ vị vọng trong tứ trụ triều đình. Lúc đó ông được 66 tuổi. Ông là người tiến cử Nguyễn Văn Tường, kẻ xuất thân làm chức bang biện huyện Thanh Hóa, tỉnh Quảng Trị. Ông đã từng đem Tường theo lúc ông được cử vào Nam công tác đặc biệt năm 1857. Sau đó Tường được đưa ra Bắc làm phụ tá cho Hoàng Kế Viêm để dẹp loạn. Không ngờ về sau này, chính Tường là người chủ mưu ám hại Trần Tiễn Thành, ân nhân của y.

*

Qua đoạn trích trên, chúng ta thấy Trần Tiễn Thành là một vị đại quan có học vị và tính tình ngay thẳng. Tiếc thay ông đã ngay tình giúp đỡ Nguyễn Văn Tường, một con người bất thiện, tâm địa trá trở, chỉ nghĩ đến danh lợi và địa vị và đã phản bội ông. Đây cũng là một bài học cho thấy: khi muốn nâng đỡ ai, phải tìm hiểu thật rõ bản tính và chân tướng người đó để tránh họa về sau. Những con người hay tặng bốc người khác, ham danh, tham lợi, giao du với những người bất chánh, thích khoe khoang, ít chia sẻ, v.v. thường không phải là những người có thể trung thành khi hoạn nạn.

Vua Tự Đức để lại di chiếu truyền ngôi cho con nuôi trưởng là Hồng Chân (31 tuổi), con của Thoại Thái Vương. Nhà vua có một sai lầm lớn là ghi trong di chiếu những nhận xét làm hạ uy tín của Hồng Chân khiến từ đó Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đã dựa vào đó để kết tội Hồng Chân tức Vua Dục Đức khiến ông này phải chết thảm và rồi cả quan phụ chính Trần Tiễn Thành cũng bị vạ.

Sau đây là lời kể tiếp của học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm trong *Việt Nam Gấm Hoa*, tr. 220.

Biến loạn trong Triều Đình và Nơi Cung Cấm

Những năm cuối triều Vua Tự Đức là những năm đen tối nhất của lịch sử Việt Nam. Trong triều, ngoài quận xảy ra quá nhiều việc rối ren khiến nhà vua buồn phiền, lo âu, không những phải đề phòng với bảo hộ Pháp mà còn phải đối phó với họ hàng âm mưu tranh giành ngôi báu. Nhà vua đã phải dùng tới những biện pháp cứng rắn, có thể gọi là bất nhân, ngay đối với người anh ruột của mình là Hồng Báo, để anh chết đói trong ngục một cách thê thảm!

Tâm sự phức tạp của nhà vua, vừa ăn năn, vừa thù tội, được phơi bày trong hai tài liệu quan trọng của chính sử: một là **mộ bia** của Vua nơi Khiêm Lăng kể tỉ mỉ những bệnh hoạn từ thuở bé cho đến khi khôn lớn (20 tuổi) mà còn mắc phải bệnh đậu trời khiến cho cơ thể suy yếu, sinh ra vô hậu (không con); thêm vào đó là những biến loạn dồn dập từ kinh đô ra tới biên cương, từ Nam chí Bắc, trong khi đó quần thần thì bạc nhược, tài năng kém cỏi. Hai là **bản di chúc** của Vua Tự Đức, khởi đầu bằng việc nhắc lại sứ mạng cao cả chôn dân giữ nước do các bậc tiên đế giao phó theo mệnh Trời, nhưng vì sức yếu tài hèn mà lúc nào cũng e ngại bất kham, mặc dầu rất chăm lo quốc sự.

Vì hậu quả của các chứng bệnh ngặt nghèo nên dù lấy nhiều vợ vẫn không thể có con, Vua Tự Đức bèn nuôi ba người con của hai em mình làm con nuôi để truyền ngôi:

1. Ứng Chân, tức là Vua Dục Đức, con của Thọai Thái Vương.

2. Ứng Đường, tức Vua Đồng Khánh, con của Kiến Thái Vương.

3. Ứng Dăng, tức là Vua Kiến Phúc, con của Kiến Thái Vương.

Trong di chiếu, Vua Tự Đức chỉ định truyền ngôi cho Ứng Chân, lúc đó đã 31 tuổi, xem như trưởng nam, nhưng trong di chúc có ghi mấy

câu: “Dục Đức có tật nơi mắt, lâu ngày sẽ có thể mù, tính lại hiếu dâm, rất không tốt, chưa chắc đã đảm đương nổi việc lớn. Nước đang cần có Vua lớn tuổi, nếu bỏ hoàng tử trưởng thì biết lấy ai?”

Vua Tự Đức băng hà ngày 17 tháng 7 năm 1883. Trước khi mất, vua đã chỉ định ba vị phụ chính đại thần, theo thứ tự là: Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, và Tôn Thất Thuyết. Vua cũng cho các ông xem bản di chiếu. Sau khi xem, Trần Tiễn Thành đồng ý với hai ông kia tâu với vua nên bỏ những câu bất lợi cho vua Dục Đức, nhưng nhà vua không chịu, vẫn nói: “Cứ để nguyên văn như rứa để răn dạy.” Thái độ cứng rắn và thiếu tâm lý của Vua Tự Đức là mầm mống những rối loạn sau này trong triều đình và dòng họ.

Trước ngày đăng quang, Dục Đức gọi ba vị phụ chính vào cung để bàn việc không nên đọc toàn bản di chiếu, nên bỏ mấy đoạn kể trên vì phải báo vệ uy thế cho vị nguyên thủ quốc gia. Cả ba ông đều đồng ý. Nhưng hôm sau, trong buổi đại lễ tại triều, lúc Trần Tiễn Thành đọc đoạn ấy, ông hạ giọng xuống để cho không ai nghe được, thì Tường và Thuyết nổi cơn thịnh nộ, yêu cầu Nguyễn Trọng Hợp đọc lại thật to, rồi Nguyễn Văn Tường truyền đánh trống bãi châu.

Ngày 21.7, hai ông Tường, Thuyết lập sớ tâu lên Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, công khai buộc tội Dục Đức ba khoản như sau:

1. Cắt bớt một khoản di chiếu của vua cha.
2. Tự tiện cho vào hoàng thành một giáo sĩ đạo Thiên Chúa để làm việc riêng cho mình.
3. Mặc áo xanh, thích ăn chơi mặc dầu có quốc tang.

Bà Từ Dũ chuẩn ý bài sớ và chấp nhận ý kiến của hai ông Tường và Thuyết là loại bỏ Ứng Chân, đồng thời có ý chọn người em vua Tự Đức là Hồng Dật (Lãng Quốc Công) đã nhiều tuổi, lên làm vua.

Trong phiên họp tại Triều, hai ông Tường và Thuyết thay phiên trình bày lý do phải bỏ Thụy Quốc Công Ứng Chân. Phụ chánh số 1 Trần Tiễn Thành lên tiếng can thiệp nên thi hành đúng di chiếu thì bị ông Thuyết quát mắng: “Ông cũng phạm nhiều lỗi lớn không thua chi, còn muốn nói năng cái gì?” Thế là cả triều đình cảm mồm, ngoại trừ quan Khoa Đạo Phan Đình Phùng (1847-1895) cả gan lên tiếng phản đối kịch liệt việc bất tuân di chiếu. Ông liền bị bắt nhốt. Sau nhờ sự can thiệp của ông Nguyễn Trọng Hợp, Phan Đình Phùng mới được tha nhưng bị lột tất cả chức tước, phẩm hàm, và bị đuổi về nguyên quán là làng Đông Thái, Việt Yên, Lam Sơn, Hà Tĩnh.

Sua vua thiết triều đại lễ này thì Dục Đức bị đưa về giam trong một phòng kín nhỏ, kín mít, vừa mới xây cấp tốc bên trong Dục Đức Đường ở Thành Nội. Hàng ngày, Dục Đức chỉ được vất cơm nhỏ đưa vào qua lỗ cửa. Có người lính gác thấy thâm cảnh, động lòng, bèn lấy chiếc áo rách thấm nước nhét vào khe cửa để vua vất lấy nước mà uống, nhờ vậy mà sống lấy lát được gần một tháng, rồi cũng chết một cách thê thảm và lặng lẽ, không có quan tài khâm liệm, chỉ được chôn sơ sài trên ngọn đồi và chẳng có ai đi đưa đám cả! Mãi cho đến đời vua Thành Thái (1889- 1907), con thứ bảy của Ứng Chân, vua Dục Đức, mới được cải táng, đưa về nơi an nghỉ cuối cùng ở An Lăng, gần An Cựu, miếu hiệu là Cung Tôn Huệ Hoàng Đế.

*

Xin tạm ngưng phần trích lời kể của học giả Thái Văn Kiểm để đặt câu hỏi: - Tại sao bà Từ Dũ và nhóm Tường và Thuyết đã xử quá tàn nhẫn đối với Dục Đức?

Dục Đức là con nuôi trưởng và lớn tuổi (31) của vua Tự Đức và là cháu của bà Từ

Dũ. Rất có thể là bà Từ Dũ đã không muốn cho cháu bà lên ngôi và muốn con của bà là Hiệp Hòa, em vua Tự Đức, lên làm Vua, mặc dầu vua Tự Đức lại muốn một vị kế ngôi phải là người lớn tuổi và đã chọn con nuôi trưởng là Dục Đức. Mặt khác, Tường và Thuyết đã ý thức rõ về những hành động lộng quyền của mình từ lâu nên rất lo sợ bị kết tội và vì vậy muốn người kế vị Tự Đức phải là một ông vua ít tuổi để dễ lung lạc. Với hai lý do nêu trên, bà Từ Dũ sẵn lòng cấu kết với Tường và Thuyết để truất phế Dục Đức. Dục Đức bị bỏ đói và không ai dám đi đưa đám chứng tỏ rằng hầu hết thân tộc hoàng gia và các quan đều run sợ trước uy quyền của Tường và Thuyết. Cho đến khi vua Thành Thái tại vị (1889 – 1907), thi hài của Dục Đức mới được cải táng và có miếu hiệu. Lúc đó thì Tường đã chết (1886), còn Thuyết thì bị nhà cầm quyền Trung Quốc an trí ở biên giới Việt Hoa gần Cao Bằng.

Sự lộng hành của Tường và Thuyết làm cho sự nghiệp Nhà Nguyễn tan tành và lại dẫn theo hậu quả người Pháp thôn tính nước ta. Đó có phải là cái nghiệp mà con cháu vua Gia Long phải gánh chịu khi vua Gia Long đã giết hại nhiều vị công thần như Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt thờ trước?

*

Vua Hiệp Hòa, và Phụ Chính Trần Tiễn Thành Bị Hãm Hại

Học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm kể tiếp về trường hợp vua Hiệp Hòa và Trần Tiễn Thành bị thanh toán như sau:

Thế là Lãng Quốc Công lên ngôi với danh hiệu là Hiệp Hòa. Ngày đưa đám vua Tự Đức tới Khiêm Lăng nhằm tháng Tám âm lịch

XUÂN GIÀ

Đời cát bụi, lòng không cát bụi
Sao Xuân này ngậm ngùi hơn xưa
Em không còn tựa cửa song thưa
Nơi khoảnh khắc mà thành định mệnh.

Đời vượt qua bao nhiêu điểm hẹn
Xuân già rồi còn nụ non không ?
Có ai về bên cũ, dòng sông
Xin hái hộ cành mai mới nở.

Mẹ có thương như thời tuổi nhỏ !
Anh em mình đuổi bướm tung tăng
Huế còn không? thuyền chờ đầy trăng!
Ngày Tết đến, hoa vàng sắc thắm.

Không ngờ đời cách xa ngàn dặm
Đón Tết, mừng Xuân thiếu nụ cười
Tuyết trắng đầy trời, tuyết trắng rơi
Mơ Xuân nào về nơi quê nội.

Cho tiếng cười đầu năm mừng tuổi
Xuân sum vầy, con cháu đầy sân.

Virginia, Xuân 2010

Đăng Nguyên

1883, trời u ám lạ thường: buổi sáng thì màu xanh lá cây, buổi chiều thì mờ đục như nước gạo, đình thần đều cho là triệu bất tường.

Phụ chánh Trần Tiễn Thành bàn với ông Tường, Thuyết lập sớ dâng lên tân vương Hiệp Hòa xin cải tổ chánh sách và khuyến dụ

quần thần các cấp chăm lo việc nước, việc dân để yên lòng trời. Riêng Trần Tiễn Thành thì tự cho mình là bất lực và có lỗi, xin được treo ấn từ quan. Ông xin mãi mới được rời khỏi Bộ Binh và chức vụ Phụ Chánh, để chỉ trông coi Khâm Thiên Giám và Tổng Tài Quốc Sử Quán!

Vua Hiệp Hòa ở ngôi được ít lâu, nhận thấy hai ông Tường và Thuyết, bèn trọng dụng những người trong hoàng tộc như Hồng Phi (con trai của Tùng Thiện Vương) và Hồng Sâm (con trai của Tuy Lý Vương) sung biện nội các. Cả hai người này lập mật sớ xin giết Tường và Thuyết. Đọc xong mật sớ, vua Hiệp Hòa phê: “Giao Trần Khanh phụng duyệt”, rồi bỏ vào một cái tráp giao cho viên thái giám Trần Đạt mang ra nhà Trần Tiễn Thành ở Chợ Dinh, Gia Hội. Đạt vừa tới Cửa Nhật Tinh thì gặp Nguyễn Văn Tường đi vào (ông này lâu nay được quyền nhập nội hành khiến, xuất nhập bất cảm ngày đêm, ai cũng khiếp sợ). Tường chặn Đạt lại, hỏi mang tráp đi đâu. Đạt đáp, mang tráp sớ ra nhà cụ Trần Tiễn Thành. Tường bèn giật lấy tráp, nói: “Ta cũng là Phụ Chính, đưa ta xem cũng được”. Miệng nói, tay mở sớ ra xem.

Theo hồi ký của một đình thần triều Nguyễn thì lúc đó Trường biến sắc mặt, hô lính cận vệ bắt giam ngay Đạt, còn Tường thì lên xe kéo ngay đến gặp Tôn Thất Thuyết, tuy đã mất chức Binh Bộ Thượng Thư nhưng vẫn không chịu bàn giao quyền hành và vẫn giữ công thự để ở như không có gì thay đổi cả!

Đọc chưa xong tờ sớ, Thuyết đã hét ra lửa: “Kéo quân đi giết bọn chúng ngay!”. Nhưng Tường khuyên nên ôn tồn và nên triệu tập đình thần tại Bộ Binh. Tại đây Tường vạch tội của Hiệp Hòa, Trần Tiễn Thành, Hồng Phi, và Hồng Sâm là âm mưu dựa trên thế lực của Pháp, mưu toan giết hai vị lương đồng của triều đình nước Nam! Vì có tang chúng hấn hoi nên không thể tha thứ được,

hai ông đề nghị các quan ký vào tờ sớ này để dâng lên Đức Từ Dũ Hoàng Thái Hậu xin phế vua Hiệp Hòa, lập vua khác.

Lấy chữ ký của các quan xong, Tường và Thuyết dẫn nhau vào Cung Diên Thọ dâng sớ lên bà Từ Dũ, đồng thời họ sai hai ông: Ông Ích Khiêm và Trương Đăng Đệ dẫn 50 lính Phấn Nghĩa Đội có trang bị mã tấu vào Điện Càn Thành, ép vua Hiệp Hòa phải chấp nhận tam ban triều điển gồm thuốc độc, giải lụa thắt cổ, và đoản kiếm để tự xử. Vua còn mơ màng giấc điệp, nghe ồn ào, mở mắt thì thấy một bọn đầu trâu mặt ngựa ào ào xông vô. Quá khiếp sợ, vua quẩn chân, lảo đảo, run lấy bầy. Bọn Phấn Nghĩa Đội cứ thế mà xông vào Hiệp Hòa đưa về Dục Đức Đường, trông thật thê thảm! Tại đây có sắp sẵn một chiếc bàn con có ba món giết người kể trên.

Ông Ích Khiêm và Trương Đăng Đệ qui xuống trước mặt vua Hiệp Hòa vừa khóc vừa nói: “Vâng lệnh của Hoàng Thái Hậu và của Triều đình, xin bệ hạ tự chọn lấy một trong ba vật này mà tự xử cho đi”. Giấy lâu, nhà vua không biết xử sự ra sao, cứ thoái thác kêu oan, khiến bọn Phấn Nghĩa Đội phải ép vua uống thuốc độc mà chết ngay tại chỗ. Hôm ấy nhằm ngày 29 tháng 11 năm 1883. Hiệp Hòa làm vua được 4 tháng, thọ 36 tuổi.

Sau khi vua Hiệp Hòa bị bức tử, Tôn Thất Thuyết, cũng trong đêm ấy, sai một toán Phấn Nghĩa Đội có giáo mác, do Hồng Hàng, Hồng Chúc, và Hồng Tế (cả ba đều thuộc hoàng tộc), đến Chợ Dinh, Gia Hội, áp vào nhà Phụ Chánh Trần Tiễn Thành số 131 đường Gia Hội, phía đông nam Kinh Thành Huế. Lên lầu, họ gặp cụ nơi nấc thang đang đi xuống. Cả bọn xông tới đâm chết ngay.

Thi hài của cụ được thân nhân đưa về mai táng nơi làng Thanh Hà, xã Minh Hương, bên kia Bao Vinh, dọc theo sông Hương chảy về Cửa Thuận An.

*

Đến đây lại xin tạm ngưng phần kể của Hưng Giang Thái Văn Kiêm để bàn về cái chết của vua Hiệp Hòa và quan Phụ Chánh Trần Tiễn Thành.

Hiệp Hòa là em vua Tự Đức, lúc lên ngôi đã được 36 tuổi, tuổi đủ lớn để làm cho Tường và Thuyết không an tâm về những hành vi lộng quyền của họ. Bởi vậy họ có thể đã âm mưu với những người trong hoàng tộc để giết Hiệp Hòa nhằm đưa một nhân vật hoàng tộc non tuổi lên ngôi vàng. Vua Hiệp Hòa thắp mưu trí nên đã trúng kế của Tường. Trong số 29 hoàng tử đều mang chữ Hồng, con của vua Thiệu Trị, chắc hẳn có nhiều người trong theo Tường và Thuyết để hưởng ngôi báu. Chính vì thế mà các nhân vật như Hồng Hàng, Hồng Chúc, và Hồng Tế đã có mặt trong đội quân đi giết Trần Tiễn Thành ở Gia Hội. Bà Từ Dũ lần này có lẽ không nhúng tay nhưng buộc phải nghe lời Tường và Thuyết.

Còn ông Trần Tiễn Thành, ông có lẽ đã không học được bài học của Trương Trình Nguyễn Bình Khiêm (thế kỷ 16) để dứt khoát về ẩn ở nơi sơn dã hầu giữ được thân danh. Hay là ông đã chấp nhận ở lại triều đình nghĩ rằng sự có mặt của ông sẽ làm bớt đi sự lộng hành của Tường và Thuyết chăng? Những con người quá ngay thật thường hay xét đoán tốt về người khác nên dễ bị lừa và hại tới bản thân như trường hợp của Nguyễn Trãi và Thị Lộ (thế kỷ 15) thuở trước.

Học giả Thái Văn Kiêm viết luận kết về đề tài “Tóc Bạc Gắm Mây Sâu Xả Tắc” như sau:

Trong cuộc tiếp xúc Đông Tây, ngoài cụ Phan Thanh Giản, còn có cụ Trần Tiễn Thành, là hai người đã sớm ý thức sự tiến bộ của Tây Phương, đã nhìn xa, trông rộng hơn bọn quan lại lạc hậu, chỉ biết tranh giành chức tước nhỏ nhen, thi nhau ngậm vịnh, học

vấn từ chương, đến khi hữu sự thì trở tay không kịp.

Cụ Trần Tiễn Thành là người đã tiến cử và khuyến khích danh sĩ **Nguyễn Trường Tộ** (1828- 1871), chủ trương canh tân quốc gia với **Tể Cấp Bất Điều** và rất nhiều bản điều trần lợi ích về nhiều phương diện. Họ Trần cũng đã tiến cử danh sĩ **Nguyễn Lộ Trạch**, đồ đệ của Nguyễn Trường Tộ, lên vua Tự Đức với bản điều trần **Thời Vụ Sách**. Vì mến tài đức của Nguyễn Lộ Trạch, và mặc dầu ông này là người Công Giáo như Nguyễn Trường Tộ, cụ Trần vẫn gả con gái là Trần Thị Nhân cho họ Nguyễn.

Nguyễn Lộ Trạch là một thanh niên tuấn tú, con trai của Tuần Phủ Nguyễn Quốc Oai, bạn thân của Trần Tiễn Thành. Ông đọc nhiều sách Tây Phương được dịch sang Hán ngữ như: *Dinh Hoàn Chí Lược*, *Thiên Hạ Quân Quốc Lợi Bình Thư*, *Bác Vật Tân Biên*, và *Hàng Hải Kim Châm*, v.v.

Năm 1877, lúc 25 tuổi, ông đã nhờ nhạc phụ dâng lên vua Tự Đức quyển *Thời Vụ Sách* bàn về quốc kế, dân sinh, canh tân, cải tổ nước Đại Nam. Sách này gồm sáu mục chính yếu như sau:

1. Đặt thêm một thủ phủ ở Thanh Hóa là nơi đất rộng, dân giàu, để có thể tiếp tục trường kỳ kháng chiến.
2. Khai khẩn đất đai với binh đội theo chủ thuyết cổ truyền: “động vi binh, tịnh vi nông” và tổ chức ngoại thương.
3. Tổ chức qui mô quân đội hùng mạnh và tân tiến.
4. Nghiên cứu và thực tập khoa học, kỹ thuật Tây Phương.
5. Tổ chức hải quân và hàng hải dân sự.
6. Mở rộng bang giao quốc tế; kết thân với các cường quốc khả dĩ giúp nước Đại Nam phát triển quốc nội và góp mặt trên trường quốc tế.

Hội Đồng Cơ Mật đã họp để xét bản *Thời Vụ Sách* của Nguyễn Lộ Trạch, rồi đề nghị lên vua Tự Đức gửi Nguyễn Lộ sang Hương Cảng học ngành kỹ thuật như một sinh viên thường. Vì việc nước rối loạn, vua Tự Đức không có thì giờ xem xét kỹ bản điều trần, chỉ phê có một câu: “Tại sao nói chuyện cao siêu như vậy?” Thế rồi chỉ ít tháng sau thì vua mất, mọi việc đều xếp lại để lo việc tống táng và kế vị, trong chiều, ngoài quận rối loạn cả lên, chẳng còn ai thật sự lo việc dân, việc nước, khiến cho kẻ sĩ như **Tùng Thiện Vương phải tóc bạc, gấm mây, sầu xơ xác!**

*

Tóm Kết

Đến đây là hết phần kể của học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm về những biến động trong cung sau khi vua Tự Đức qua đời. Các biến động này đều do bàn tay đạo diễn của nhóm Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết khiến cho 3 vua bị bức tử và một vị phụ chánh bị giết, đồng thời những bản điều trần canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch bị xếp xó làm cho nước ta mất đi cơ hội canh tân xứ sở như nước Nhật đã thực hiện và nhờ đó nước họ đã trở thành một cường quốc ở Đông Á.

Tại sao, trong khi Minh Trị Thiên Hoàng, Nhật Bản hội đó chịu mở rộng cửa đón nhận văn minh Tây Phương, thì các vị vua Triều Nguyễn, kể từ vua Gia Long, lại tỏ ra kỳ thị Thiên Chúa Giáo và không chịu bang giao với tây phương, mặc dầu vua Gia Long là người chịu ơn rất nhiều các vị giáo sĩ Tây Phương hồi đó?

Một lý do có thể giải đáp câu hỏi đó là: các vua quan Triều Nguyễn sợ rằng người dân theo đạo sẽ chỉ biết phục tùng Chúa và các giáo sĩ, có nghĩa là, uy quyền tuyệt đối của nhà vua sẽ bị tổn thương. Quan niệm “vua là con Trời” – Thiên Tử - từng ăn sâu

vào tim óc của các nhà nho hủ lậu đã khiến cho vua quan triều Nguyễn thi hành những chính sách vô cùng bất lợi cho đất nước trước phong trào bành trướng thế lực đế quốc Phương Tây không thể dung thứ cho những chính sách như vậy.

Đây là một bài học cho những nhà cầm quyền ở những nước hiện nay đang có sự kỳ thị tôn giáo hay không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Cộng đồng thế giới tự do hiện nay đang phát động các phong trào bảo vệ nhân quyền và dân quyền và rất có thể sẽ có những biện pháp “kỳ thị tương tự” đối với những chế độ nào còn cầm đoán tự do tín ngưỡng.

Tại sao các vị vua triều Nguyễn từ Tự Đức trở đi đã không thể thoát ra được sự khống chế của Tường và Thuyết?

Nguyên nhân chính là vì các vị vua trước đó là Gia Long, Minh Mạng, và Thiệu Trị đã là những ông vua có đầu óc thủ cựu và **không có tài lãnh đạo chỉ huy trong đó có vấn đề sử dụng nhân tài.**

Các ông vua này lúc đó chỉ lo xây cất lâu đài, hưởng thụ thú vinh hoa, sát hại các vị công thần, không biết trọng dụng nhân tài. Tai hại hơn thế nữa là: các ông vua này lại dung dưỡng những nịnh thần, trao cho bọn này những quyền cao, chức trọng, khiến cho các ông vua kế tiếp không còn đủ uy quyền để loại những lộng thần này ra khỏi guồng máy lãnh đạo đất nước và trở thành những bù nhìn bất đắc dĩ. Trong những quyền thần này nổi bật nhất là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường.

Tường và Thuyết chỉ là những kẻ bất tài, nhưng nhờ thời cơ đưa đẩy, họ nắm được những chức vụ cao. Thuyết thì nóng nảy và ít mưu trí; Tường thì ôn tồn nhưng rất thủ đoạn. Lúc đầu Thuyết nâng đỡ Tường vì Thuyết tưởng Tường cùng chí hướng với mình là quyết tâm chống Pháp. Sau đó, Tường trở cò,

quay ra xin hợp tác với Pháp khiến Thuyết tức giận, bèn cho người đến đốt nhà của Tường. Tường cũng không được Pháp tin dùng. Tại sao? Chắc hẳn vì những thành tích bất trung, bất tín, và bất nghĩa của Tường mà người Pháp đã không tin dùng Tường và còn đày Tường qua đảo Tahiti. Đó cũng là một bài học cho những kẻ mang tâm địa bất trung, bất nhân, và bất nghĩa khi đã hết thời.

Kết lại, sự kiện nước ta rơi vào vòng đô hộ của Pháp là do các vua triều Nguyễn từ Gia Long trở đi đã không có tài **lãnh đạo chỉ huy** (leadership) trong đó có những yếu tố cơ bản như: tổ chức, thiết kế, nhân sự, điều hợp, kiểm tra, và tài trợ. Yếu tố nhân sự được đánh giá là quan trọng nhất bởi vì nhân sự bất xứng sẽ làm hỏng mọi kế hoạch.

Đọc lịch sử, chúng ta thấy: đời nào có vị vua lãnh đạo chỉ huy giỏi là thời đó có nhiều nhân tài ra giúp nước và nước ta hùng cường, dân ta no ấm, chẳng hạn, đời vua Lý Nhân Tông; đời vua Trần Nhân Tông; đời vua Lê Thánh Tông, và đời vua Quang Trung.

Lịch sử cung cấp những bài học sống động rất giá trị cho những người muốn trau dồi nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy. Những nhà lãnh đạo lừng danh trên thế giới đều là những người giỏi môn sử học như Napoléon Đại Đế chẳng hạn.

Nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy từ lâu đã là một trong những mục tiêu hàng đầu trong các chương trình giáo dục và huấn luyện ở Hoa Kỳ. Các học sinh ngay từ bậc tiểu học đã được dạy cho những ý niệm nhằm phát huy tính tổ chức, tính tự quản, tính tự sắp xếp từ những công việc thực tế hàng ngày như tự dọn giường ngủ, tự xếp thời gian biểu học hàng ngày, tự gọn gàng, ngăn nắp, tự giúp đỡ người khác, v.v.

HẢI BÀNG HDB (Arizona)